

PHẬT-GIÁO

VIỆT-NAM

NGUYỆT - SAN



SỐ 22 RA NGÀY 15 THÁNG 6 MẬU - TUẤT

TỔNG-HỘI PHẬT-GIÁO VIỆT-NAM XUẤT-BẢN

Lang, NAOC-LAN,
món quà đặc-biệt.

Pl. 2509
/ 49
/ 72

MỤC-LỤC

Làm thế nào để giữ vững tín-tâm	P.G.V.N.
Đức Phật Thích-Ca (Dịch)	Khả-Chính
Ngọn đèn vô-tận	Cồ-Việt-Tử
Đạo Người	Tâm-Nguyên
Chúng tôi đi xem phim «Tiền-thân đức Phật-tổ»	Trọng-Đức
Điệu Bông	Khả-Chính
Thầy Bửu-Đức	Gia-hưng-Bác
Ba mươi năm cách-mạng Phật-giáo Trung-hoa	Thái-Hư
Tin tức trong tháng	
Kết-quả cuộc thi hàng tháng	
Hộp thơ tòa-soạn.	





LÀM THẾ NÀO ĐỂ GIỮ VỮNG TÍN TÂM CỦA PHẬT-TỬ

Dân-chúng Việt-Nam đang khao-khát một môn ăn tinh-thần, một lý-tưởng, một tín-ngưỡng, một tôn-giáo. Tình thế đặc-biệt của nước nhà trong giai-đoạn chánh-trị hiện-tại; xu-hướng muốn trở về nguồn, tìm lại những giá-tài tinh-thần của xic-sở để un-đúc một nền văn-hóa dân-tộc; và thiết-thực hơn, ở thôn-quê, chính-quyền lại có ý khuyến-khích người dân nên có một tôn-giáo: những sự kiện ấy đã thúc-đẩy, đổ xô quần-chúng đến với Đạo Phật mỗi ngày mỗi đông. Trạng-thái ấy đã phát-hiện một cách rõ-rệt trong các buổi lễ lớn của Phật-giáo, nhất là trong ngày mùng tám tháng tư vừa qua. Cảm tình của quần-chúng đối với Đạo Phật đã được bộc-lộ một cách hồn-nhiên, thành-thật, không miễn-cưỡng, không cố-gắng. Người ta thấy vui thích mà đến chùa, vui thích mà đi dự các buổi lễ rước Phật, vui thích mà thắp đèn kết hoa, trang hoàng trước cửa nhà mình. Quần-chúng Việt-Nam thật là một miếng đất tốt, thích-hợp cho hạt giống Bồ-đề. Chúng ta không sợ thiếu đất, cũng không sợ thiếu giống; nhưng vấn đề quan-trọng ở đây là phương-pháp, là kỹ thuật gieo giống và người gieo giống. Nói một cách rõ-ràng hơn là làm thế nào để truyền-bá Đạo Phật vào lớp người đông đảo đang khao-khát tín-ngưỡng ấy cho



có hiệu quả làm thế nào để giữ vững tín tâm của họ, làm cho họ trở thành những Phật-tử thuần-thành một khi họ đã đến với Đạo.

Đây là một vấn-đề trọng-đại mà các nhà lãnh-đạo phong-trào chấn-hưng Phật-giáo không thể không băn-khoăn, một vấn-đề cấp-bách, vì thời cơ đang thuận-tiện, «ngàn năm một thuở», nếu chúng ta chần chờ, cơ-hội sẽ qua đi, yếu-tố «thiên-thời» sẽ mất; khi ấy «nhân» cũng hết «họa» mà «địa» cũng hết «lợi».

Vậy quý vị lãnh-đạo phong-trào, quý vị Tôn-Túc tăng-già cũng như cư-sĩ, đã được Phật-giáo-đồ ngưỡng mộ bầu vào các ban trị-sự các tập-đoàn, bầu vào ban quản-trị trung-ương Phật-giáo Việt-Nam, quý vị đã có một chương trình thiết-thực, một kế-hoạch hợp-lý để hoàng-dương chánh-pháp cho người dân Việt-Nam ở giữa thế-kỷ hai mươi chưa? Các Ngài đã nghĩ ra được một phương-pháp gì để người tín-đồ khi đến với Đạo, Bồ-đề tâm mỗi ngày mỗi kiên-cố, sẽ gắn bó keo sơn với Đạo, không bao giờ thoái chuyển nữa chẳng? Quý vị đã tạo ra một không khí, một hoàn cảnh thế nào để người tín-đồ khỏi thấy lạc-lỡng, xa lạ, bơ-vơ khi đến với Đạo chưa?

Ừa? sao quý vị im lặng mãi thế? Sao quý vị không triệu-tập Hội-nghị, để gom góp ý-kiến, dung-hòa quan điểm. Trên các cơ-quan ngôn-luận của Phật-giáo: Từ-quang, Liên-hoa, Phật-giáo Việt-Nam, quý vị cũng bật tiếng tăm, quên hẳn đi rằng những cơ-quan ngôn-luận ấy sở dĩ ra đời là để phổ-biến cho quần-chúng Phật-tử những lời vàng ngọc, những ý-kiến xây-dựng, những băn-khoăn chân thành, những hoài-bảo cao đẹp của quý vị.

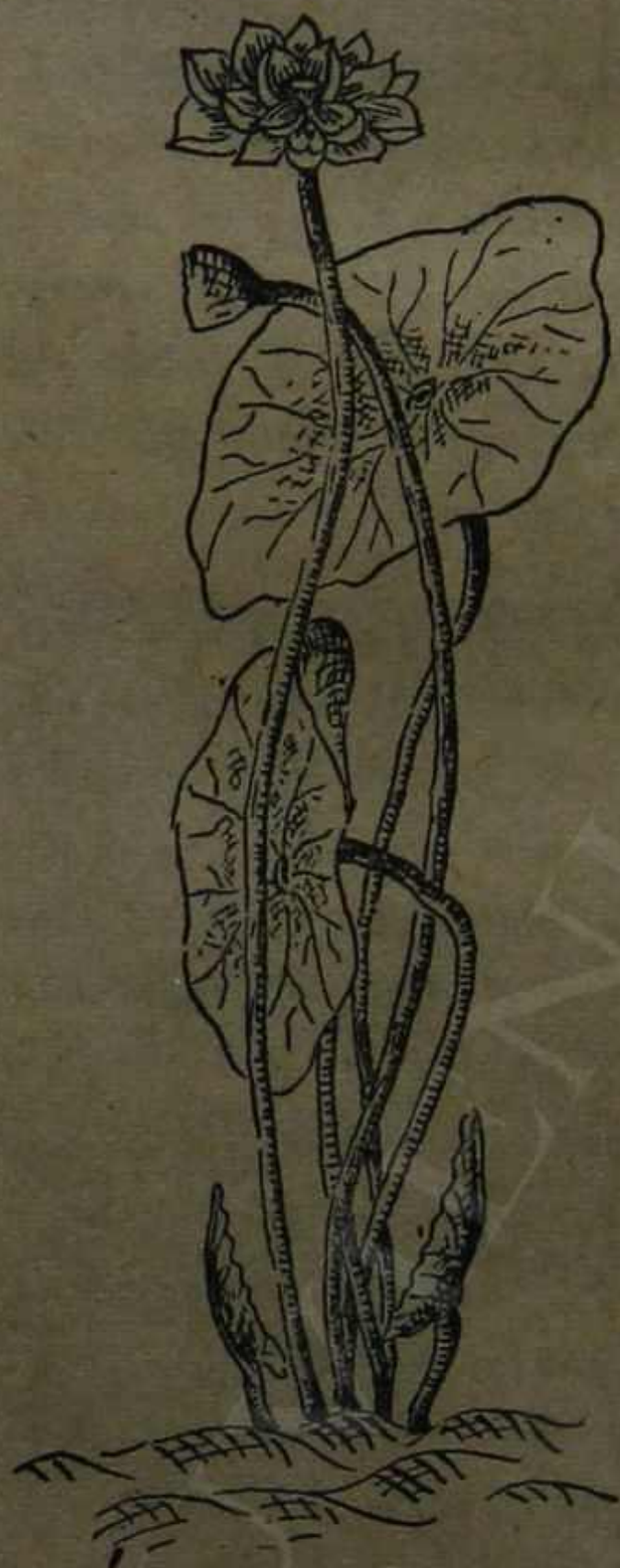
— Nào Ngài ủy-viên Hoàng-pháp? Ngài đã nghĩ ra một pháp môn gì thích-hợp cho tín-đồ Phật-giáo Việt-Nam giữa thế-kỷ 20 này chưa? Đối với giới phụ lão, đối với giới phụ-nữ, đối với giới trí-thức, đối với giới bình-dân, đối với dân thành-thị, đối với dân quê, đối với mỗi giới, mỗi hạng người như thế, Ngài đã có một chương-trình, một kế-hoạch hoàng-pháp riêng-biệt thích-hợp với hoàn-

cảnh, với tư-tưởng với hoài-bảo, với nếp sống của họ chăng?

— Nào Ngài ủy-viên nghi-lễ? Thưa Ngài, hội-nghị Tăng-già toàn-quốc họp tại chùa Quán-Sứ Hà-nội năm 1952, đã chấp-thuận sự thống-nhất nghi-lễ, phẩm phục... Thế mà đến nay, đã có một điều-lệ căn-bản nào quy-định sự thống-nhất, và đã thực-hiện được một phần nào chưa? Phật-tử Trung Nam Bắc ngày nay quy tụ một số rất lớn ở thủ-đô Sài-gòn, hằng ngày trong các khóa lễ, họ được dịp gần-gũi, chen vai sát cánh với nhau, sao Ngài không nương

vào hoàn-cảnh thuận-tiện ấy để thử đưa ra một nghi-lễ chung cho tất cả Tăng-đồ và tín-đồ trong 6 tập đoàn. Về phẩm phục của quý vị Tăng-già, Ngài có nghĩ nên chế một thứ phẩm phục thế nào để có thể phân-biệt được Tăng-già chân-chính trong Giáo-hội Tăng-già toàn-quốc với những người mượn áo nhà chùa để khuấy rối xã-hội, làm nhục-nhã cho Tăng-đồ và ô-danh cho đạo Phật không? Ngay trong Giáo-hội Tăng-già cũng cần quy-định một vài điểm dị-đồng trong phẩm phục hằng ngày của các cấp bậc Tăng-già để tín-đồ có thể phân-biệt được mình đang đứng trước những vị tăng-già như thế nào.

— Nào Ngài ủy-viên thanh-niên Phật-tử? Thưa Ngài, Gia-đình Phật-tử thành-lập trên mười lăm năm rồi, thế mà Ngài đã có một chương-trình huấn-luyện đầy đủ cho các ngành thanh, thiếu, đồng-niên chưa?



Nếu đã có được một phần nào rồi, thì sau bao năm kinh-nghiệm, chương-trình tu học ấy có khác với tâm-lý, sinh-lý, hoài-bảo, hoàn-cảnh của từng lớp thanh-niên chăng? Ngài đã có kế-hoạch gì để thu hút, giữ vững tâm của cái tuổi đang khao-khát chân-lý, tình thương và hoạt-động ấy? Ngài đã tìm ra lý do tại sao Gia-đình Phật-tử ở thành-thị mỗi ngày mỗi xuống và ở thôn-quê mỗi ngày mỗi lên chăng? Và Ngài có tiên đoán được tương-lai gần gũi trong 5, 3 năm nữa của cái phong-trào Phật-tử đang lên ở thôn-quê ấy không? Hiện-tượng ấy đáng mừng hay đáng lo, nên lạc-quan hay nên bi-quan? Ngài đã triệu tập những hội-nghị toàn-quốc của giới lãnh đạo Gia-đình Phật tử để họ được dịp trao-đổi ý-kiến, giải bày thắc-mắc, học hỏi kinh-nghiệm, hoạch-định chương-trình, giao-kết tình thân, đúc thành một khối tin-tưởng để phục-vụ cho Đạo và cho đời chưa? Có lý đâu trước bao nhiêu vấn-đề trọng-đại và khẩn-cấp ấy của thanh-niên Phật-tử, rường cột của tòa nhà Phật-giáo ngày mai, chúng ta, những người lãnh-đạo, chỉ biết hoan-hỷ cười xòa cho qua chuyện mỗi khi có ai đề-cấp đến?

— Nào Ngài ủy-viên văn-mỹ-nghệ Phật-giáo? Thưa Ngài, Ngài có thấy hiện nay các chùa chiền, các nhà hội-quán Phật-giáo đã được xây cất với những lối kiến-trúc rất lố-lãng, phức-tạp chăng? Có chùa xây cất gần giống như một nhà thờ công-giáo, có chùa làm theo lối «gô-tít», có chùa như một «villa» có chùa như một câu lạc-bộ, có chùa như một cái đình, có chùa như một thánh-thất cao-đài..... Có lẽ để người ta khỏi lầm-lẫn với những cái «chùa» của các đạo khác, nên Hội Phật-giáo Trung-Việt mới có cái thâm-thúy đặt tên cho các chùa của hội là «chùa Phật-giáo» chăng? Ngày xưa, chỉ nhìn qua lối kiến-trúc, người ta nhận ngay được là cái chùa; ngày nay cần phải thêm «chùa Phật-giáo» mà người ta vẫn ngờ-ngợ tưởng không phải là để thờ Phật! Thưa Ngài ủy-viên Ngài có nhận thấy nhức mắt khi phải nhìn thấy cách trang-hoàng của một số ngôi chùa chăng?

những bức màn «chim cò» như cái áo sơ-mi của các chàng «cao-bồi», những tấm ảnh la-liệt nằm trong những khung lớn như ở các tiệm chụp hình, những chùm hoa giấy lỏe-loẹt, ngây-ngó, sượng-sùng như của một tiệm hớt-tóc, một tiệm phở ở các chợ vùng quê. Bao nhiêu thứ ấy nhảy múa, hò-hét trước mắt Ngài, có gây cho Ngài một chút đạo-vị nào chăng? Giữa khung cảnh ấy mà lại thêm vào những giọng hát những điệu nhạc cải-cách chịu ảnh-hưởng của Nhà thờ, của nhạc Nam-Mỹ, của «Mambo»... thì Ngài sẽ có một ấn-tượng như thế nào? Có phải Ngài sẽ có cảm-tưởng như đi lạc vào một chợ phiên chăng?

Người tín-đồ khi tìm chùa chiền mà đến là cốt để trốn trong chốc lát cái cảnh nhộn-nhip, chối tai nhức óc của cuộc đời phức tạp; nếu họ đến chùa mà lại gặp cái không khí, khung cảnh như ở chợ kia, thì họ sẽ không đến nữa.

Vậy thưa Ngài ủy-viên, Ngài đã phác họa những đường nét chính của kiến-trúc, của âm nhạc, của phẩm phục, của điêu khắc, của trang trí thích hợp, riêng biệt của văn mỹ-nghệ Phật-giáo chưa?

xxx

Thưa toàn thể quý vị ủy-viên Ban Quản-trị Trung-ương và các cấp trị sự trong Tổng Hội! Chúng tôi biết công việc không phải dễ dàng, cần có tài, có đức, có thiện chí, có người, có tài-chánh. Nhưng tại sao công việc khó khăn như thế, mà quý vị vẫn giữ một mực im lặng, không lên tiếng tỏ bày những thắc mắc, không trưng cầu ý kiến, không kêu gọi thiện chí trên báo chương, không triệu tập những hội-nghị riêng biệt từng ngành chuyên-môn như Tổng-hội đã quyết-định để gom góp ý kiến, trao đổi quan điểm, kêu gọi sự tham-gia của những người có khả-năng, có chuyên môn, có sáng kiến, có đạo tâm?

Nếu quý Ngài là những người chủ chốt trong công cuộc chấn hưng Phật-giáo nước nhà mà cứ điềm nhiên «tự tại» mãi như thế này, thì toàn thể Phật-tử còn biết trông cậy vào ai nữa, và phỏng họ có đủ tín tâm để chờ đợi quý Ngài hoàn thành nhiệm vụ không?

P. G. V. N.

ĐỨC PHẬT THÍCH-CÁ

Phỏng-dịch theo Paris - Match
Dịch - giả : KHẢ - CHÍNH

Khi đến Pataliputta (bây giờ gọi là Patna), Ngài theo con đường của các đoàn hành-hương bà-la-môn. Con đường này chạy dọc theo sông Hằng-hà, rẽ vào các đô-thị Vệ-xá-ly (Vaiçali), Vương-Xá (Radjagriha) và Gaya, dẫn thẳng đến các thánh-đô Kashi (bây giờ gọi là Ba-la-nại) và Prayag (bây giờ gọi là Allahabad).

Chân đi đất, đầu cạo nhẵn, Ngài lánh cuộc đời phồn-hoa sống nhờ thập-phương cúng-dường. Gặp ai Ngài cũng chỉ hỏi một câu : « Phương thuốc giải-thoát kiếp người ra khỏi khổ đau, người có biết không ? ». Bây giờ, Ngài đã 29 tuổi, hình dáng mặt mày đẹp một cách phi-thường. Tương truyền rằng, vào một buổi chiều vàng, khi Ngài vào thành Vệ-xá-ly, đàn bà thành ấy thoát trông thấy kim-thân rực rỡ của Ngài, tưởng là thần Ci-va giáng-trần, vội vàng sụp lạy, bắt quản cát bụi dơ dáy trên đường. Khi gặp đạo-sĩ bà-la-môn Alara Kalama, Ngài lại đưa ra câu hỏi cố-hữu : « Phương thuốc diệt khổ, ông có biết không ? ». Đạo-sĩ trả lời : « Lấy sức sống mà trị ! ». Đáp xong, ông ta đưa Ngài vào nhập bọn với ba trăm đệ-tử cũ hiện đương theo ông học các pho thánh-kinh bà-la-môn là các kinh Vệ-đà và Upanishad. Bây giờ bén mùi đạo mới, Ngài say sưa khảo-cứu những kỳ-bí của một Vũ-trụ bao la trong kinh sách bà-la-môn, một vũ-trụ mà trước kia, vì quá yêu con, vua cha không bao giờ dám cho Ngài biết và nghĩ tới. Vì vậy mà từ trước đến đó, Ngài không hiểu một mảy may gì về cuộc đời. Những nỗi khổ của già, đau, chết đã từng làm Ngài chán nản cuộc đời, nay mới được nhà đạo-sĩ Kalama khai-thị cho biết. Rằng đó chẳng phải là kết quả của một kiếp sống, mà là của hằng trăm, nghìn, muôn, ức, triệu kiếp sống trong quá-



khứ mà mọi người phải trải qua; rằng đó là định-luật luân-hồi ràng buộc con người có sanh rồi có tử, sanh tử, tử sanh mãi mãi không bao giờ dừng nghỉ; rằng định-luật Luân hồi còn liên-hệ với một định-luật khác nữa, không kém phần khắc-nghiệt thua; ấy là định-luật Nghiệp-báo. Theo định-luật sau, đời sống hiện tại là kết quả của những hành-vi ý-nghĩ tích lũy trong các kiếp quá-khứ; những hành-vi và ý nghĩ trong kiếp hiện-tại đến phiên chúng, sẽ quyết-định cho sự thụ-hưởng trong các kiếp vị-lai. Vì vậy, vấn-đề giải thoát khỏi sức chi-phối cương-tỏa của hai định-luật Luân hồi và nghiệp-báo phải được đặt làm tiền-đề cho sự giải-thoát kiếp người hết khổ-đau. Đó là vấn-đề trọng-đại, vấn-đề duy-nhất, từng ám-ảnh toàn thể dân-tộc Ấn-độ từ ngàn xưa, mãi cho đến ngày nay vẫn chưa dứt.

Sau khi nghiên-ngẫm giáo-lý bà-la-môn của đạo sĩ Kalama giảng dạy suốt một mùa mưa, Ngài lại trở lại về với câu hỏi bất hủ « Thế còn phương thuốc diệt khổ, thầy có biết không? » Đạo sĩ lắc đầu, Ngài liền cất bước ra đi nữa. Đến thành Vương - Xá, thủ - đô xứ Ma - kiệt - đà (Magadha, bây giờ gọi là Bihar), Ngài đi thẳng lên đỉnh ngọn núi Ling-Thứ, một ngọn núi khô khan, chỗ tụ-hợp của ác-điều điều-hầu với những khu rừng thâm-u mà cho đến ngày nay vẫn còn nhan-nhân hùm beo và rắn rết. Trên đỉnh núi ấy, một đạo-sĩ danh-tiếng khác là tiên ông Uddakka đương dạy phép Du-già, một phép tu luyện thân tâm cực-kỳ cực nhọc, nhưng có hiệu-quả giúp kẻ hành-giả tự chế ngự mình một cách vô cùng dẻo dai. Đó là một thể-dục kinh hồn bẻ gãy hết mọi tập-quán động tác của xác thân và tâm-linh, tôi luyện chúng trở nên mềm mại uyển-chuyển như bún. Lúc bấy giờ tuy đã 30 tuổi ngoài, đức Thích-Ca vẫn tu luyện được phép ấy một cách dễ dàng. Suốt 6 năm trường, Ngài tu ép xác và tu khổ-hạnh đến một mực khiến mọi người trông thấy phải rùng mình sởn gáy. Khi thì dầm mình trần dưới trận mưa lũ, khi thì phơi đầu chang chang dưới những tia nắng gắt, Ngài vẫn thản-nhiên ngồi luyện phép « không



tâm, » bất kể đói khát dầy vò, nín từng hơi thở, lắm khi cơ-hồ tưởng như cả đầu óc Ngài vỡ tung ra từng mảnh. Những lúc ấy, toàn thân Ngài tê-liệt hân đi, chẳng khác nào một xác chết. Đừng ai ngạc-nhiên điều đó cả! Chẳng sao đâu! Hằng muôn nghìn đạo-sĩ Ấn-Độ đã từng

tu phép này trước Ngài, cũng như hiện dương còn tu như vậy, ngay bây giờ. Nhưng, đáng ngạc-nhiên hơn là, mặc dù nghiền thân vụn óc đến mức tối-da như thế, phương thuốc diệt khổ, vì tác-dộng của nghiệp-báo và luân-hồi, vẫn không tìm được.

Lại từ giả và lên đường lần nữa. Lần này có năm đệ-tử nguyện theo. Sáu thầy trò cùng nhau tiến xuống phương nam. Sau nhiều ngày đi bộ, họ đến một làng nhỏ, làng Uruvela tức là Bồ-đề đạo-tràng ngày nay, một trong bốn chốn Động-tâm của tín-dồ Phật-giáo. Đó cũng là một trong bốn Thánh-địa, một trong bốn nơi phát-khởi bốn nền đại tôn-giáo của nhân-loại. Chính tại làng Uruvela này, dưới gốc Bồ-đề lịch sử này, cách đây 2545 năm, trong một đêm trăng tròn tháng tư âm-lịch, đấng Thánh-nhân họ Thích đã thành-tựu chánh-quả Đại-Giác-Ngộ tức là thành Phật.

Khi đến Uruvela, Ngài cương-quyết thề phải tìm cho kỳ được phương thuốc diệt khổ trong chuyến này. Vì phát đại-nguyện như thế, nên lại ép xác, lại khổ-hạnh như bao nhiêu lần trước, suốt ngày nọ qua tháng kia. Ép xác và khổ-hạnh riết cho đến nỗi, một hôm nhìn lại thân-hình Ngài lép-kẹp như một chiếc vỏ cua với da bọc xương, còn chân tay thì teo-thon lại như những sợi dây mây trong rừng. Lại thêm, đất bụi bao-phủ đầy mình, trông Ngài như một gốc gỗ mục. Chính đàn kiến cũng lăm và đưa nhau đến xây tổ trên mình Ngài. Trên đây là thuật lại theo kinh Latita-Vistara đã ghi chép. Sau nhiều tháng tu luyện theo phép khổ-hạnh như thế, Ngài đạt được rất nhiều thần-thông kỳ-diệu. Nhưng thần-thông mà làm gì? Điều Ngài cần đạt là phương thuốc diệt khổ kia. Buồn thay, Ngài vẫn chưa phanh ra mối!

Bấy giờ, Ngài nghiệm rằng Ngài đã đi sai đường. Rằng muốn giác ngộ chân-lý, đâu cần phải ép xác mà chỉ cần tinh tấn phát-triển lý-trí đến chỗ minh-mẫn cùng cực. Năm đệ tử theo Ngài từ bấy lâu, nay thấy Ngài bỗng nhiên từ bỏ phép tu cũ, rất đỗi kinh-ngạc tưởng rằng Ngài đã thối chí. Hơn nữa, một buổi sáng nọ, một thôn-nữ làng Uruvela, nàng Tu-xà-đa (Soudjata), mang đến cội bồ-đề, chỗ Ngài ngồi, nào cơm, nào sữa, nào mật. Ngài thọ-lãnh tất cả phẩm vật cúng dường. Thấy vậy, năm đệ tử không còn nghi-nan gì nữa, cho Ngài là kẻ phản-bội lý-tưởng, tỏ ý khinh khi ra mặt, rồi cùng nhau cuốn gói ra đi, để mặc Ngài một mình một bóng. Cô-đơn hiu-quạnh, Ngài cứ thế ngồi dưới cội bồ-đề cho đến khi tạm lấy lại được sức và đứng vững được. Ngài lần từng bước xuống sông Ni-



Liên-thuyền tắm gội sạch sẽ. Lúc ấy, mặt trời mới mọc. Tắm xong, Ngài lê gót vào làng ; và khi đi qua chỗ hỏa-táng, Ngài nhặt được một manh áo rách của một cụ già mới chết và xác mới được thiêu xong. Chính vì sự-tích manh áo này đây mà về sau, trong tạng Luật mới chế ra phép may «y» cho các tu-sĩ Phật-giáo là phải gồm có nhiều mảnh chắp nối lại với nhau. Quy-chế này cốt đề nhắc nhở sự-tích manh áo rách mà Phật đã lượm che thân ở cạnh đàn hỏa ấy. Chính với manh áo che thân đó, Ngài vào khất-thực trong các lối xóm của làng Uruvela. Một vị hoàng-tử sang trọng tốt bụng như Ngài, một vị hoàng-tử từng ngự trong ba cung lộng lẫy thích-hợp với ba mùa theo khí-hậu Ấn-độ ; vị hoàng-tử ấy hôm nay tự nhận lấy địa-vị của một kẻ nghèo xơ xác đương ăn cơm hầm, đậu hèn và các thức rau cỏ của những kẻ khác cũng nghèo như Ngài đem bố-thí cho Ngài. Một em bé, thấy bố mẹ cúng - dường, cũng bắt chước làm theo. Món ăn do em cúng dường, không phải là đồ ăn mà là một nắm đất. Ngài vui vẻ nhận lấy và bình-thản ăn nắm đất ấy.

Mãi đến chiều tối, Ngài lại trở về ngồi dưới gốc bồ-đề. Gốc cây nay hãy còn kia. Đêm thiêng-liêng đã đến. Ngài an-tọa và cương - quyết phát-nguyện chỉ đứng dậy khi nào tìm được đạo giải-thoát.

Trong đêm lịch-sử ấy, những gì đã xảy ra ? Đây, các bản kinh ba-ly xưa nhất, chia đêm ấy làm làm ba canh và ghi chép như sau :

« Canh một, trong khi trăng lên chênh-chênh, Ngài ngồi kiết già theo điệu tham-thuyền, lưỡi ấn lên lợi trên, hơi thở lắng lại, dồn nén tư-tưởng đề gạn-lọc và định về một hướng. Lần lượt, Ngài trải qua bốn tầng lớp thuyên định. Sơ-thuyền, Ngài chế-ngự được vọng động của các giác-quan ; nhị-thuyền, Ngài trấn-áp được vọng-dộng của tư-tưởng ; tam-thuyền Ngài diệt-trừ được vọng-dộng của tri-giác ; tứ-thuyền, Ngài làm chủ hoàn toàn các vọng-dộng của tâm-linh, đạt được chân-không và nhập Tam-ma-địa, tức chánh-dịnh.

« Canh hai, khi vầng trăng chói ngay đỉnh đầu, mọi kiến-chấp về ngã-tướng đều được giải-tỏa, trí-huệ được phóng-khai, vờn lên khỏi thế-gian này. Lúc bấy giờ các kiếp trước trong vòng Luân-hồi lần lượt nối đuôi nhau xuất-hiện. Ngài thấy rõ mồn-một tất cả guồng máy của dòng sanh tử như diễn-biến trước mắt Ngài. Chúng sanh với tội-lỗi và đức-hạnh đã kết-tập từ nhiều đời nhiều kiếp, nay loại nào theo loại ấy lần lượt hiện ra, nhân duyên quả nối, trước sau làm duyên cho nhau mà phát-khởi. Dần

dần, các mối-manh chằng-chịt của định-luật Luân-hồi quay cuồng vô-tận, cứ thể rõ nét ra thêm mãi.

« Cuối canh ba tức canh chót, khi trăng đã lặn và chân trời ửng hồng, màn vô-minh như bị xé toạc, Ngài thoát nhiên đại-ngộ ».

Trong một lóe sáng bừng khởi, Ngài đã thấy được cảnh lang-thang của chúng sanh trôi nổi trong vòng sanh tử vô cùng vô tận. Ngài đã nắm bắt được nguồn-gốc gây ra đau-khò và phăng ra manh-mối diệt khổ.

Đây, ta hãy nghe lời Ngài thuật lại tâm-trạng Ngài trong giờ phút vĩ-đại ấy :

« Trong khi tôi tỉnh ngộ, tâm-hồn tôi liền giải-thoát được hết Tham Ái, si-mê. Trong con người sạch các tội lỗi ấy, tri-huệ liền bừng sáng dậy. Tôi đã thành Phật ».

Lời nói huyền-bí làm sao ! Ngài biết như thế lắm. Nhưng làm sao diễn đạt được để khiến cho ai cũng hiểu được những sự-khien của trạng thái giác-ngộ, đúng như Ngài đã thấy trong giờ phút thiêng-liêng vĩ-đại ? Vì vậy, suốt trong bảy ngày, Ngài trầm-ngâm suy-nghĩ dưới gốc bồ-đề để xét có nên hay không nên đem đạo Ngài vừa chứng-ngộ ra khai-thị cho chúng sanh. Bảy lần Ngài có ý định, rồi lại bảy lần do-dự. Ngài ngần ngại như thế mãi, cho đến cuối cùng, quý dạ-xoa đến cảm-dở. Ngài trùng-triêng lâu lắm, và trong lúc phân vân chưa quyết, Ngài nhập định dưới gốc bồ-đề suốt 49 ngày. Ngày thứ 48, vào buổi sáng sớm Ngài mới nhất quyết đem đạo Ngài ra truyền-bá. Đạo giải-thoát mà Ngài vừa chứng-ngộ, Ngài tin chắc chúng phàm phu không tài nào hiểu nổi, vậy Ngài chỉ sẽ đem ký-thác lại cho những ai có đủ túc căn : ấy là các vị thánh tăng thành Isipatana (tức Samath, ngoại ô thành Ba-la-nại bây giờ)

Thành Isipatana cách làng Uruvela mười ngày đường đó là nơi động-tâm thứ ba của tín-đồ Phật-giáo đi hành hương. Chính tại chốn này, Phật chuyên bánh xe Pháp lần đầu tiên trong vườn Lộc-Uyển cho năm vị đệ-tử đầu tiên, những người trước kia đã vì nghi-ngờ Ngài mà ruộng bỏ Ngài ra đi.

Ngài dạy rằng.

« Đây năm vị tỳ-kheo, có hai cực đoan mà kẻ cầu đạo giải-thoát phải lần tránh. Cực đoan thứ nhất là sống một đời sống buông-lung theo dục-vọng để mưu-cầu những thụ-hưởng ích kỷ, ti-tiện, xấu-xa. Cực đoan thứ hai là sống một đời sống khô hạnh, tự mình hành thân hoại thể mình



một cách khã-ố và ghê tởm. Cả hai cực đoan đều không lợi ích gì cho cứu cánh giải-thoát.

Đấng Giác-ngộ tránh xa hai cực-đoan ấy và phát-minh ra con đường Trung-đạo. Chỉ có con đường Trung-đạo mới đưa hành-giả đến chánh tri-kiến, đến thanh-tĩnh an vui, đến đại giác-ngộ và đến cứu-cánh Niết-bàn. Này các tỳ-kheo ! Con đường Trung-đạo là con đường nào ? Đó là con đường mòn tám nẻo mệnh-danh là Bát Chánh Đạo, nó dẫn thẳng đến đích diệt khổ.

« Này các vị Tỳ-kheo ! Và đây là bốn sự thật cao-quý mệnh danh là Tứ Diệu-Đế. Sự thật thứ nhất là khổ đế : sanh là khổ, già là khổ, bệnh là khổ, chết là khổ, thương yêu mà phải chia-lìa là khổ, oán-ghét mà phải gần-gũi là khổ, không đạt được những gì mong muốn là khổ, chịu đựng những gì không ưa-thích là khổ. Tóm lại, năm hình-thức ràng buộc tức là năm uẩn giả-hợp đề tạo cái ta là Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức (xác thân, cảm giác, tưởng nghĩ cấu-hợp và nhận thức), tất cả đều là phiền-não khổ đau.

« Này các vị Tỳ-kheo ! Sự thật thứ hai là Tập-đế nghĩa là nguyên-nhân của đau khổ. Nguyên-nhân của đau khổ là khao-khát thú vui xác thật, đam-mê đời sống dục-vọng, tham-luyến và mong muốn duy-trì bản-ngã thường còn mãi mãi.

« Này các vị Tỳ-kheo ! Sự thật thứ ba là Diệt đế. Diệt nghĩa là dứt-trừ. Khổ đau chỉ được dứt-trừ bằng cách dứt-trừ dục-vọng tận gốc.

« Này các vị Tỳ-kheo ! Sự thật thứ tư là Đạo đế. Đạo là con đường Trung-Đạo tức là Bát chánh-đạo gồm có tám nẻo : hiểu biết đúng đắn, quan-sát đúng đắn, nói lời nói đúng đắn, làm những việc làm đúng đắn, sống nghề-nghiệp chơn-chánh, siêng-năng cần-mẫn chơn-chánh, tưởng nhớ những điều trong sạch, tập-trung tâm-trí vào mục-đích giải-thoát chơn-chánh. Tám nẻo ấy mệnh-danh là : Chánh Tri-Kiến, Chánh Tư-Duy, Chánh Ngữ, Chánh Nghiệp, Chánh Mạng, Chánh Tinh-Tấn, Chánh Niệm và Chánh Định.

« Này các vị Tỳ-kheo ! Hãy tinh-tấn hiểu bốn Sự thật cao-quý ấy đúng như đấng Giác-ngộ đã hiểu. Trên đời này, chỉ có một nguồn-gốc tội-lỗi cần phải phá vỡ một căn bệnh cần phải diệt-trừ, ấy là ngu dốt, mệnh-danh là Vô-minh. Kẻ nào đã đạt được Chánh tri-kiến, đồng thời

cũng đạt được đại-trí-tuệ, đại-thanh-tịnh, đại-giải-thoát là đại-Niết-bàn».

Trên đây là bài thuyết-pháp đầu tiên của Phật nói cho năm vị đại-dệ-tử đầu tiên nghe trong vườn Lộc-uyên tại thành Ba-la-nại. Tất cả căn-bản và tinh-hoa Phật-giáo đều nằm trong bài thuyết-pháp này.

Đức Phật đã phát-minh được điều gì ? Về sau, Ngài sẽ giải thêm như sau :

«Này các vị Tỳ-kheo ! Cũng như kẻ hoảng sợ vì đã nhận lầm sợi giây ra con rắn, người ấy sẽ bật cười khi biết rằng con rắn dưới chân mình chỉ là một khúc giây lấp lánh dưới ánh trăng. Cũng như vậy, bậc Giác-ngộ đã bật cười khi chứng-ngộ được rằng cái « ta » gây ra bao phiền-não khổ-đau là do dục-vọng và sợ-hãi giả-tạo nên mà thôi. Cái « ta » ấy vốn không thật có.»

Cái ta không thật có ! đó là tiếng reo «tôi tìm được rồi» (Euréka) của Archimède, mà lại thốt ra trước ba thế-kỷ sớm hơn. Tiếng reo cười của Đức Phật đã làm đổ-vỡ hết tất cả các hệ-thống tư-tưởng của Bà-la-môn giáo với các tín-điều về vũ-trụ, nhân-sinh, tín-ngưỡng, định-mệnh và cơ-cấu giai-cấp do đạo này lập ra. Con người không còn bị định-mệnh lôi kéo vô-điều-kiện vào vòng quay cuốn của Luân-hồi và Nghiệp-báo một cách quá khắc-nghiệt nữa, vì cái « ta » chỉ là một ảo-ảnh do tâm-vọng động tạo thành. Như vậy, con người là một sản-phẩm do chính nó tạo ra. Đức Phật dạy : «Vạn-hữu đều bắt gốc từ Tâm, do Tâm tạo và điều-khiển».

Sáu thế-kỷ trước Tây-lịch, đồng thời với Khổng-tử, Lão-tử, Zoroastre và Pythagore, cùng sống trong cao-trào cách-mạng tư-tưởng chạy từ đông sang tây, nhưng không ai ném được một quả bom kêu to bằng đức Phật.

Ngài không tự đặt cho mình số-mệnh giải-thích nguồn gốc vũ-trụ. Ngài không muốn điều đó. Ngài dạy rằng :

«Người đau-khò không cần nghĩ đến các luận thuyết Siêu-hình hay Triết-lý, mà chỉ cần được thoát khổ». Cũng thế, đức Phật chỉ lo nghĩ một việc, và việc ấy Ngài nhắc đi nhắc lại với các môn-đồ luôn : Này các vị Tỳ-kheo, đấng Giác-ngộ chỉ đem lại cho đời một phương-thuốc duy-nhứt là phương-thuốc chữa bệnh khổ-đau mà thôi».

(Còn một kỳ nữa)



NGỌN ĐÈN VÔ - TẬN

AI BẢO PHẬT-PHÁP KHÔNG BIẾN-CHUYỂN ĐƯỢC
THẾ-GIỚI SÂU-THẨM NÀY THÀNH CỰC-LẠC?

Bài của CỒ - VIỆT - TỬ

Do một nhân - duyên mà tôi nảy lòng muốn hiểu Phật-giáo, nghiên-cứu Phật-giáo, rồi viết những bài về Phật - giáo trong các báo hằng ngày.

Rồi từ cái nhân-duyên «viết bài về Phật - giáo ở các báo hằng ngày», tôi lại hân - hạnh được làm quen cùng quý bạn đọc trong tạp - chí «Phật-Giáo Việt-Nam» này.

Và sau đây, cái nhân-duyên mới giữa chúng ta sẽ còn để ra bao nhiêu nhân-duyên khác nữa và sẽ đưa tôi đi đến đâu nữa

Suy một «nhân-duyên» còn con ấy, xét rộng mãi ra, tôi có ý-nghĩ như sau:

1.- Suy ngược trở lại giòng

thời-gian, trước khi tôi gặp cái «nhân-duyên» đầu-tiên (tạm gọi đầu-tiên) đã khiến tôi nảy lòng muốn hiểu Phật-giáo để nghiên - cứu đạo-lý nhà Phật, chắc phải có một «nhân-duyên» nào khác, hoặc ở kiếp trước, hoặc ở kiếp trước nữa và trước nữa, tôi đã từng có quen biết với Phật-giáo. Nếu không, tại sao ở kiếp này, khi mới nghe một người bạn nói chuyện «Đạo Phật» tôi đã ưa thích ngay và lần đầu mở một quyển Kinh, tôi liền ham-mê và cứ đọc mãi không thôi? Trái lại, có rất nhiều người khác tuy nhà ở cạnh chùa, thân hàng tiếp-xúc với các vị thiện-trí-thức, sẵn tượng Phật, sẵn Kinh - Luận,

sẵn thầy chỉ bảo, ấy thế mà họ vẫn lãng- lơ với Phật-giáo.

Tôi còn nhớ câu chuyện: một người ăn mày nọ thân tàn ma dại, bò lết ngoài đường, kêu than rất họng để xin từng đồng xu. Một hôm, có vị lão hòa-thượng gặp người ăn mày. Người này ngửa tay xin. Muốn cho kẻ khổ kia gây một nghiệp lành cho cái miệng, vị lão hòa-thượng bảo: «Anh hãy niệm **A - Di - Đà Phật** một tiếng, bàn-tặng sẽ biếu anh một đồng-bạc thay vì một xu!». Các bạn nghĩ sao? Thật là chuyện không ngờ:

người ăn mày chẳng những không nghe theo lời vị lão hòa-thượng mà trái lại còn buông tiếng nguyên - rủa là khác.

Ấy, phải chăng vì người ăn mày vốn không có nhân-duyên với Phật-pháp?

2.- Suy luận theo giòng thời-gian, hiện giờ tôi đang bắt đầu cái nhân-duyên «làm quen cùng các vị độc-giả của tạp-chí Phật-giáo Việt-Nam», rồi đây tôi và các bạn nữa, chúng ta sẽ đi đến đâu? Chắc-chắn là chúng ta sẽ

cùng nhau nghiên-cứu thêm về Phật - pháp, đi sâu mãi vào Phật - pháp. Mà Phật - pháp là những con đường đưa đến giải-thoát.

Rồi đây, mỗi người trong chúng ta sẽ thể-hiện Phật-pháp, trong cuộc sống của bản-thân ta, của gia-đình ta, của làng xóm ta, cứ thế, Phật-pháp sẽ lan rộng khắp nhân - quần xã - hội, khắp năm châu thế-giới, cho đến một ngày kia mầm giống Phật-pháp sẽ đâm chồi mọc nhánh trên tất cả mọi nơi có giống hữu-tình sanh-hoạt, biến cả cái vũ-



trụ này thành cõi Vô Ưu, thành Vườn Cực - Lạc, thanh-tịnh Niết-Bàn, thành Tây - phương Tịnh-độ, thành cõi Chân-Như.....

Suy-tưởng như thế rồi chúng ta sẽ thấy tánh-cách trọng-hệ của sợi dây chuyền «nhân-duyên» là cội nguồn của Vạn-hữu.

Nhưng còn cội-nguồn của nhân-duyên là gì, biết rằng xác thân đang biến - chuyển từng giây từng phút của ta đây cũng là sự tổng-hợp của bao nhân-

duyên quá-khứ và cũng là cái đà cho bao nhiêu nhân - duyên khác nảy sanh ở tương - lai?

Xin thưa, nhân duyên không có cội-nguồn. Nhân-duyên này chỉ là «quả» do nhân - duyên khác để ra và lại làm nhân-duyên để để ra nhiều nhân - duyên tương-lai nữa.

Các động - lực (sức mạnh) khiến cho nhân - duyên tan hợp và biến-chuyển ấy là «Nghịệp».

Thân ta hiện có là do «nghịệp riêng» của ta làm và «nghịệp chung» của xã-hội quá-khứ un-đúc nên.

Cũng như đời sống của con cháu ta sau này là do «nghịệp riêng» của chúng hiện-tại và «nghịệp chung» của xã-hội hiện-tại un-đúc nên vậy .

Hiện-tại, chúng ta cùng nhau nỗ-lực vun trồng Phật-pháp là chúng ta gây «nghịệp lành».

Cả một xã-hội cùng nỗ-lực vun - trồng Phật-pháp là xã-hội gây nghịệp lành.

Cả một thế-giới cùng hướng về Phật-pháp là cả thế-giới gây nghịệp lành.

Một người gây nghịệp lành chưa đủ. Một gia - đình gây nghịệp lành chưa đủ. Vì nghịệp lành ít quá, không đủ đánh tan ảnh-hưởng của nghịệp dữ và rất có thể bị nghịệp dữ chung của đa - số lấn át, lôi cuốn. Nhưng cả một xã-hội cùng chuyển nghịệp dữ ra lành, cả một thế-giới cùng chuyển nghịệp dữ ra nghịệp lành thì Tây-phương Cực-lạc sẽ là đây!

Cũng như một ngọn đèn không đủ soi sáng cả một làng. Nếu nhà nhà cùng thắp đèn, hang cùng ngõ hẻm nào cũng có đèn thì cả một vùng sáng rực sẽ xuất-hiện và chiếu rõ cả một khu-vực rộng lớn.

Nhưng nếu ta cứ ngồi đợi cho cả làng đốt đèn rồi ta mới đốt thì biết bao giờ mới có ánh sáng như ta muốn?

Ta hãy cứ đốt lên đi đã. Rồi ta khuyên người cùng đốt như ta. Ngọn đèn của ta sẽ biến thành ngọn đèn vô-tận (vô-tận-dăng). Và cả thế-giới sẽ sáng rực,

Cương - quyết đốt đèn của

mình tức là gây «ngiệp» sáng-suốt.

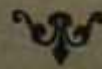
Thấy đèn ta sáng, nhà ta vui, người sẽ cương-quyết đốt đèn như ta. Ấy là nghiệp lành gây ảnh-hưởng.

Mọi người cùng cương-quyết đốt đèn. Ấy là «ngiệp lành» của xã-hội thế-giới đã đánh tan được bức màn hắc-ám của vũ-

trụ, đem ánh-sáng lại cho nhân-loại.

Thế cho nên nói rằng: «Tất cả không rời một, và một không rời Tất cả!» (Nhứt tức nhứt-thiết, nhứt-thiết tức nhứt).

Ai dám bảo Phật-pháp không biến-đổi được bộ mặt sàu-thảm của xã-hội hiện-tại?



GIÁ BÁO DÀI HẠN

3 tháng	30đ00
6 tháng	55.00
1 năm	110.00

Giá lẻ mỗi số 10 đồng. Hiện Tòa-Soạn còn đầy đủ từ số 1 đến số 20-21.

Từ số 1 đến số 12, đóng thành tập, bìa cứng, chữ mạ vàng giá 140 đồng (ở xa trả thêm 20 đồng cước phí).

Thư từ, ngân phiếu xin đề:

TY QUẢN - LÝ — 243 Đường Sư-Vạn-Hạnh
CHOLON.



ĐẠO NGƯỜI

Tâm-Nguyên

Đời và Đạo thường được xem như hai thái-cực khó dung-hòa nhau. Đời bỉ-ối thế, mà Đạo cao-xa thế; làm sao Đời vươn lên kịp Đạo và Đạo đâu có chịu hạ mình xuống sát Đời, để cùng bắt tay nhau cùng tiến?

Nhưng, cũng trên thực-tế nữa, Đời không Đạo sẽ như ngựa không cương, thuyền không lái. Hai cái, thiếu một, xã-hội con người không còn là xã-hội nữa. Vì vậy Đạo rất cần thiết cho Đời, phải đúc với Đời thành một tổng-hợp bất-khả phân-ly. Nhưng, Đạo như thế nào, mới ăn khớp được với Đời? Đạo có đủ điều-kiện ấy, không thể là một Đạo ngoài đời, xa người. Nó phải là một đạo phát-sinh do sự thể-nghiệm cuộc sống, đúc lại thành những Chân-lý bất-di bất-dịch cho loài người. Đạo ấy tức là «Đạo sống» do một con người đã từng «thật sống» nói lại cho những con người khác sắp sống hay hiện đang sống mà chưa vấp phải. Xe trước ngã, xe sau ắt phải biết tránh; kinh-nghiệm cũ của kẻ từng đi thám-hiểm vũ-trụ con tim và khối óc con người, sẽ là những tài-liệu sống vô-giá cho những đoàn thám-hiểm sau, cất bước đi thám-hiểm vũ-trụ ấy. Vũ-trụ ấy là vũ-trụ con người, nhà thám-hiểm để tài-liệu lại chính là đức Phật Thích-Ca vậy.

Suốt đời Ngài, Ngài chỉ làm một việc, nhưng một việc vĩ-đại : Tìm phương thuốc cứu khổ cho đời. Ngài không màng được làm trời, mà Ngài cũng không cần lưu-ý tới nó có hay không có. Là người, Ngài đi tìm một đạo sống cho con người. Đến lượt ta, ta cũng không màng nghĩ tới trời đất quỷ thần gì ráo. Là người với những nỗi khổ đau cố-hữu của cuộc sống, ta chỉ mong nghe, mong học, mong hiểu-biết cái đạo sống của một con người đã thực-hiện sống và đã thành-công trong sự-nghiệp vĩ-đại : đưa giá-trị con người lên mức tối-thiểu. Một Đạo phát-sinh trong những điều-kiện ấy mới sát người, thông đời ; và vì vậy đời mới đủ can-đảm cũng như tin-tưởng vịn theo mà khỏi ngại bị hồng cảnh.

Đạo xa Đời, nghĩa là không bắt gốc từ dòng đời nóng hổi và thuận theo dòng đời, thì đạo ấy, dù có một nền giáo-lý huyền-ảo mơ-n-trốn đến đâu, cũng là đạo thừa. Mà cái gì tự nó đã thừa, dĩ-nhiên là vô-dụng cho đời và dễ trở nên ung-nhọt đầu-độc con người, nếu con người không sớm tỉnh-ngộ và thẳng tay trừ-khử.

Nói đến con người tức phải nói đến nhân-bản với những khía-cạnh ngàn-sai muôn khác và vô-cùng uyển-chuyển của vũ-trụ con người rất bao-la. Nó không chịu khu-biệt trong một nhân-phẩm hay một nhân-vị ; đó chỉ là một khía-cạnh nào đó của nhân-bản. Bản-chất nó, tự nó đã phong-phú như thể, và nó quyết tiến theo bản-tánh nó ; thì cũng đừng ai hòng mơ-ước một thành-công rõ-ràng bằng cách ép nó phải làm trời hay làm thần bông-lông. Giá có đạt được, con người cũng không màng tới, vì nó đã lỡ mang kiếp người với số nhân - bản của giòng giống nó tích-lũy trong tâm-hồn nó từ xa xưa. Cũng như «bướm Trang-trử», một khi đã mang thân bướm



rồi, đâu có màng thân người, và dĩ-nhiên cho kiếp bướm là tốt đẹp nhất. Vậy cái con người là chúng ta, rất lấy làm hãnh-diện được mang kiếp người và cố-gắng đưa kiếp ấy lên mức toàn-thiện toàn-mỹ để xứng-đáng là giống tối-linh hơn hết muôn loài, do ta đã tự gán một cách kiêu-hãnh.

Như vậy, một đạo đúng nghĩa với chữ đạo, hẳn phải là đạo của đời, bổ-túc cho đời những gì đời cần để tiến-hóa, nhưng phải hợp với dòng-sống bất-diệt của con người, mà con người tha-thiết duy-trì.

Dòng đời có thăng-trầm bỉ thái. Tình đời có ấm lạnh, buồn vui. Đạo của đời phải là đạo nằm ngay trong lòng đời để tát vơi bớt trầm, bớt bỉ, ở ngay trong lòng người để sưởi ấm lòng người và đem lại an vui sáng-suốt cho khối óc con tim. Con tim được thanh-tĩnh, khối óc được cởi mở mà dòng sống vẫn cứ phải là dòng sống bất-diệt, nhưng lành mạnh hơn, mà con người thiết-tha ghi lấy cho kỳ được.

Đời sống là cả một sức mạnh huyền-bí, là một lá bùa vạn-năng lổm-đổm hào-quang, tự nó là một nguồn vui bất-diệt cho kẻ nào có điểm-phúc mang nó trong thân. Nhưng tác-dụng của nó, là tác-dụng của dao hai lưỡi. Nguồn vui do nó tung ra cũng mãnh-liệt như tai-họa do nó gieo xuống. Nó là một Đắc-kỷ của nhân-loại Trụ-vương. Xa nó, Trụ-vương nhân-loại không còn tìm thấy lẽ sống nữa. Nhưng gần nó, nó lộng-hành gây tai biến liên-miên, rồi Trụ-vương nhân-loại cũng đến phải treo cổ. Gần nó mà đừng để nó mê-hoặc hôn-ám là cả một nghệ-thuật, là cả một đạo sống cần-thiết cho con người. Đức Phật Thích-Ca đã phát-minh ra đạo sống ấy cho con người bắt chước làm theo. Đạo ấy mới là đạo trong lòng đời để ra, vì đời mà có, và sẽ mãi mãi bất-diệt với đời bất-diệt.

Đức Phật đã long-trọng xác-nhận điều này trong câu :

«Phật tại thế-gian, bất ly thế-gian giác», nghĩa là đạo giác-ngộ chính tại đời sống này, không thể lìa đời sống này mà có đạo giác-ngộ» hay là trong câu : «Ta chỉ là người mách thuốc chỉ đường ; đường đã vạch sẵn rồi, các người hãy thấp đuốc lên mà đi!».

Con đường ấy, gọi nó là Đạo cho tiện ; kỳ thực ra là một mớ tài-liệu do kinh-nghiệm sống của bản-thân Ngài lưu lại cho những người khác là chúng ta học-tập để lần theo. Đạo ấy là một đạo nóng hổi, sản-phẩm của trường đời nóng hổi, một đạo chuyển-hóa con người xấu-xa thành con người cao-cả. Vì vậy, mục-đích đạo Ngài là đưa con người từ bến khổ-đau đến bờ an-vui giải-thoát mà dòng sống của con người vẫn không thay đổi. Giá như khổ đau chữa dứt mà con người không còn là con người nữa vì đã thăng-thiên, tưởng e không một ai ham-muốn. Gặp khổ-đau thì chán ghét, nhưng lên trời thì không ưng. Nó chỉ muốn làm người thôi, nhưng là người hoàn-toàn thiện-mỹ.

Và cũng may mà chưa ai lên trời cả đấy ! Giá có một người lên rồi, phút chia-ly chắc cũng nã-nề không kém phút vĩnh-biệt thân-quyển để xuống nằm khoèo dưới ba tấc đất. Giống nhau vì hai bên cùng mất thân người như nhau. Và sau kinh-nghiệm đó, chắc hết có người ham lên trời !

Không, đạo của con người phải là đạo giải-quyết khổ-đau cho con người trong đời sống thực-tế này. Nó phải do người, vì người và giúp người kiến-thiết một đời sống thanh-cao thích-hợp với khối óc con tim của nó.

Đạo sinh ra chỉ vì đời, vì con người. Ngược lại, đời nhờ đạo mà tiếp nối dòng sống trường-cửu lành-mạnh. Hai cái phải bổ-túc cho nhau : Đời phải là đạo được thực-hành, đạo là đời trên lý-thuyết, hai phần của một tổng-hợp dòng sống «bất-ly bất-tức»,





sát cánh với nhau, vắn-vít lấy nhau. Có những điều-kiện đó, đời đắng mới sinh ra quả ngọt, đời khổ mới trở được hoa vui. Quả ngọt không ngoài thân đời đắng, hoa tươi không lìa cành đời khô mà nảy-nở xinh tươi được.

Nếu Phật là một chúng-sanh đã giác-ngộ, chúng-sanh là Phật còn mê-mờ, thì quan niệm đạo và đời dĩ-nhiên cũng không thể khác hơn. Đạo phải là mục-đích cuối cùng mà đời tất nhiên phải tiến đến, cũng như đời phải là mối đạo mới bắt đầu.

Một quan-niệm đạo và đời không rời nhau, gắn-bó nhau, cùng bắt tay cùng tiến, đó là quan-niệm của đạo Phật; không ai xuyên-tạc hay phủ-nhận được.

Vì đạo Phật là đạo trong đời, là đạo sống, là đạo của con người thiết-tha với dòng sống lành-mạnh của con người. Vì nó không phải là đạo của trời đất quỷ thần vậy.



HỘP THƯ TÒA SOẠN

Tòa soạn đã nhận được những bài vở sau đây :

Chén cơm, Hè mùa sen nở, Thu về, Đời và Đạo của H. H, Mùa xuân đạo hạnh tùy bút của Nguyễn - Toàn, Tấm lòng của H. H, Nghệ thuật sống của H. H, Vòng giảng mặt bề của Đăng-Liễn, Bao bề của Đ. L Vườn xuân hoa đạo của Đỗ-hữu-Hy, Diệu-thông của Viên-Thông, Vật cá của Như-Không, Thơ của Đăng-Liễn, Lòng nhân, Tấm lòng, Vườn xuân đạo hạnh, Nghệ thuật sống, Suối dòng Nhớ nghĩa hai thân, Tung cánh, Xuân, một nhịp cầu của H. H, Phật-giáo với thời loạn của Ngọc-Tuyết, Một phút lỗi lầm của Tâm-Sanh, Mối tình thương kịch của Đỗ-tấn-Nùng, Thơ của Quảng-Thiện.

(Còn nữa)



CHÚNG TÔI ĐI XEM PHIM TIỀN THÂN ĐỨC PHẬT TỔ

TRỌNG-ĐỨC

Trong khoảng hạ tuần tháng 5 dương-lịch năm nay, hãng Mỹ-Vân đã cho ra mắt khán-giả Thủ-đô cuốn phim «Tiền thân đức Phật-tổ» tức là chuyện : Thái-tử Tu-đại-Noa tu-hạnh bố-thí.

Cứ theo cách quảng-cáo đồ-sộ, tốn-kém của hãng Mỹ-vân, thì đây là một công-trình nghệ-thuật thứ bảy mà hãng ấy cho là thành-công và đặc-y nhất từ trước đến nay của hãng.

Về phương-diện kỹ-thuật thì thật quả như thế : hình ảnh rõ-ràng, âm-nhạc hấp-dẫn, diễn viên có nhiều tiến-bộ hơn trước, nhất là hai diễn-viên chính : La-thoại-Tân trong vai Thái-tử Tu-đại-Noa và Thẩm-thúy-Hằng trong vai Công-chúa Mạn-trà. Về trang-phục, hãng phim cam-đoan là theo đúng thời-đại ; chúng tôi không dám công-nhận là có đúng hay không, vì thời-đại trong ấy câu chuyện xảy ra có lẽ cách đây 3.000 năm rồi, khó mà tìm lại được dấu vết cũ một cách đích-xác ; nhưng về cái đầu «cúp ca-rê» của cậu bé con Thái-tử, và hai trái tai lòng thòng như hai cục bột xe tròn của Thái-tử thì chúng tôi có thể cam-đoan là không đúng, vì thời ấy chưa có «tông-đơ» để «cúp» tóc, và Thái-tử chưa phải là Phật Thích-Ca nên chưa có hai trái tai dài đến cằm.



Về phương-diện đối-thoại, tiếng nói khá rõ-ràng, chỉ tiếc là có vài khuyết-điểm như khi đã mở miệng rồi mà chưa nghe tiếng, khi thôi nói mà tiếng vẫn phát ra. Một điểm nhỏ đáng tiếc nữa là Thái-tử đã gọi dân chúng bằng «các bác», như các đạo-hữu miền Trung-Việt ngày nay gọi nhau.

Sở-dĩ chúng tôi có thể phê-bình được những sơ-sốt tý-mỉ ấy, vì chúng nó không có nhiều lắm. Và đó chính là một bằng chứng tỏ ra cuốn phim đã **tiến-bộ rất nhiều về phương-diện kỹ-thuật.**

Chúng tôi chỉ nói tiến-bộ về phương-diện kỹ-thuật mà thôi. **Còn về nội-dung, cốt-truyện, thì thật là một sự thất-bại lớn lao.**

Trong tờ quảng-cáo, hãng Mỹ-vân đã viết : «Phim tiền-thân đức Phật-tổ là một cuốn phim Tôn-giáo, lịch-sử đề-cao đạo-hạnh và đức độ bố-thí vô-biên của đức Bồ-Tát, và phổ-biến giáo-lý cao-diệu, mẫu-nhiệm của đạo Phật».

Thế mà khán-giả có đôi chút suy-nghĩ khi xem xong, có người bảo là chuyện phim đã xuyên-tạc giáo-lý đạo Phật, có người bảo là nếu quả thật đạo Phật mà có một phương-pháp bố-thí tàn-nhẫn, mê muội như thế thì chắc không ai dám theo đạo Phật, dám làm bố-thí nữa.

Trước khi xét xem những lời phê-bình trên có đúng không, chúng ta hãy đọc qua chuyện phim :

Thái-tử Tu-đại-Noa, con Hoàng-đế Thi-tí nước Diệp-ba là một thanh-niên tuấn-kiệt, có nhiều từ-tâm, nguyện suốt đời tu theo hạnh bố-thí. Thái-tử có vợ đẹp là Công-chúa Mạn-trà và hai con thơ, một trai, một gái. Đạo hạnh bố-thí của Thái-tử được đồn vang khắp nơi. Thời ấy có một ông vua nước thù nghịch với nước Diệp-ba, lòng dạ nham-hiềm, muốn lợi dụng đức

tử-bi của Thái-tử để chiếm-đoạt con Bạch-tượng, một con vật quý có tài bách chiến bách thắng để bảo vệ nước Diệp-ba. Quả-nhiên Thái-tử Tu-đại-Noa cho kẻ nghịch con voi quý giá ấy. Việc đến tai vua cha, triều-đình lo sợ, phẫn-uất. Thái-tử phải bị đày lên núi Đàn-đặc 12 năm.

Khi Thái-tử lên đường chịu tội, Công-chúa Mạn-trà cũng tình-nguyện dắt hai con đi theo. Ban đầu họ đi bằng xe ngựa. Nhưng dọc đường có một người Bà-la-môn đến xin ngựa. Thái-tử cho ngay, và thay ngựa kéo xe. Rồi Thái-tử bố-thí luôn cả xe, quần áo, hành-trang.

Trải qua nhiều đoạn đường gian-lao, cực khổ, Thái-tử đã đến được núi Đàn-đặc cách châu-thành hơn 6.000 dặm. Gia-đình Thái-tử sống yên vui ở đây. Nhưng một hôm có một người Bà-la-môn nghèo khó, có vợ nhưng không con, đến xin hai đứa con của Thái-tử về cho vợ mình xử dụng làm người ở. Công-chúa lúc ấy đi hái trái cây xa, Thái-tử ở nhà đã tự ý cho hai đứa con, mặc dù chúng níu áo cha kêu khóc, nhất quyết không chịu theo người Bà-la-môn, mặt mày hung ác ấy. Người này phải bắt trói hai đứa bé, lôi kéo, đánh đập chúng tàn-nhẫn, chúng mới chịu đi. Công-chúa hái hoa quả về, hay tin hai con mình đã bị Thái-tử cho người Bà-la-môn, nên vật-vã than khóc, Thái-tử phải khuyên giải mãi, Công-chúa mới khuây-khua. Được ít lâu, một người dị-hình dị tướng đến xin Công-chúa về làm vợ, Thái-tử cũng cho luôn, Cũng may, người ấy chính là Đế-thích muốn thử lòng Thái-tử nên mới hóa ra như thế. Đế-thích liền-hiện nguyên hình, và bảo Công-chúa và Thái-tử muốn cầu xin gì sẽ được như nguyện. Hai người liền xin được cùng hai con sum-hợp trở về nước, được giàu có để bố-thí nhiều hơn xưa, và cầu-nguyện sao cho chúng-sanh đều được giải-thoát và hết khổ về sanh, lão, bệnh, tử.

Hai lời nguyện đầu đều được thực-hiện ; còn diu thứ ba



thì Đố-thích bảo là chỉ có Phật mới làm được. Câu chuyện kết thúc ở đây.

x x x

Khán-giả đã khóc nhiều, nhất là đàn bà và trẻ con. Đàn bà khóc vì thấy mình đã bị đem cho như một đồ vật, mặc dù mình ở rất có nghĩa với chồng; con nít khóc vì thấy mình đã bị đem cho như những đồ vật, mặc dù mình rất có lòng hiếu-thảo, thương cha, thương mẹ. Đàn bà và con nít đều khóc vì họ thấy họ là những vật yếu hèn, bị hy-sinh một cách tàn-nhẫn. Nếu mục-dịch của hãng phim là làm đổ nước mắt, thì hãng phim đã thành-công.

Nhưng khán-giả có một chút lương-tri, một chút suy-nghĩ, nhất là khán-giả Phật-tử, sẽ thấy ngao-ngán, buồn-tủi, phần-uất vì những hành-động của Thái-tử. Người ta lấy làm ngạc-nhiên thấy đạo Phật là một đạo sáng-suốt, mà nhân-vật chính là Thái-tử, lại không sáng-suốt chút nào cả. Trong đạo Phật, Từ-bi và Trí-huệ phải đi theo nhau, bi mà thiếu trí, thì bi cũng không còn là bi nữa. Thái-tử có đại nguyện bố-thí để làm cho người ta bớt đau-khổ, nhưng Thái-tử đã làm cho người ta đau-khổ nhiều hơn khi bố-thí một cách mù-quáng. Này đây: Thái-tử đã làm cho các nước lân-bang nuôi cái mộng xâm-lãng, đi chiếm nước người, khi đem cho họ con ngựa quý, có thể giữ-gìn cho hòa-bình. Thái-tử chỉ thấy kết-quả trong hiện-tại là làm thỏa-mãn kẻ thù, nhưng không nhận thấy được những hậu-quả tai hại mai sau là khi nước thù-dịch được con ngựa ấy rồi, chiến-tranh sẽ bùng nổ giữa hai nước, và sẽ gây đau-khổ, chết-chóc cho người dân lương-thiện của cả hai bên. *Thái-tử đã nhen-nhúm lòng tham-lam, ác-độc trong khi cho.* Thái-tử đã đem con mình mà cho một người Bà-la-môn tàn-ác, có một người vợ lại càng tàn-ác hơn. Con ác phụ này vì nhác-lười, đã xúi-dục chồng xin cho được hai đứa con của Thái-



tử đề về làm thay việc cho mình. *Thái-tử* đã khuyến - khích sự *lười-biếng* trong lúc cho. *Thái-tử* lại cho cả vợ đẹp nữa ; trong dân-chúng, được mấy ai không thèm-khát được đem Công-chúa về làm vợ mình ? Có lẽ họ tiếc vì đã chậm chân không đến xin Công-chúa trước Đế-thích. Nếu đến trước, chắc họ sẽ được Công-chúa rồi. Đấy, *Thái-tử* đã làm nổi dậy sự thèm khát sắc-dục khi đem cho vợ mình. Làm thiện mà thành ác, vì thiếu trí - huệ, là thế ! Hơn nữa, *Thái-tử* có quyền cho vợ, con mình chẳng ? *Thái-tử* cho gạo cơm, đồ đạc, châu-báu của mình và của người khác thì còn khả thú, miễn là cho một cách sáng-suốt ; nhưng **đem người mà cho thì không được**. Có người sẽ binh-vực cho *Thái-tử* mà bảo rằng : Vợ, con của *Thái-tử* là thuộc quyền sở-hữu của *Thái-tử*, *Thái-tử* có quyền xử-dụng. Nhưng những người ấy quên rằng, nếu Công-chúa và hai con thuộc quyền sở-hữu của *Thái-tử*, thì ngược lại *Thái-tử* cũng thuộc sở-hữu của Công-chúa và hai con. Họ là vợ và con của *Thái-tử* ; ngược lại, *Thái-tử* là chồng và cha của họ. Hai bên đều có những dây ràng buộc qua lại. *Thái-tử* có thể cắt những dây tình-cảm buộc mình với vợ con ; nhưng làm sao *Thái-tử* lại có thể cắt những dây tình cảm của vợ con đã ràn-riết lấy mình được ? Nếu trong lúc họ không muốn mà *Thái-tử* cứ làm, là *Thái-tử* đã độc-tài, chà đạp lên tự-do, nhân-cách của họ. *Thái-tử* đã làm tổn-thương đến tình nghĩa vợ chồng, cha con. *Thái-tử* bảo rằng mình có nguyện sẽ làm vừa lòng mọi người. Nhưng trong lúc ấy *Thái-tử* đã làm cho phụ-vương phải buồn-bá vì bắt buộc phải đày con trai, dâu và hai cháu ra ngoài biên ải ; làm cho hai con phải đau xót, hãi-hùng khi lìa cha mẹ thân yêu để đi theo người Bà-la-môn ; làm cho vợ mình phải một phen đau khổ khi mất hai con, và phải lìa *Thái-tử* để đi theo người dị-tướng. *Thái-tử* đã không làm trái ý những người gian-tham như bọn vua chúa, đình-thần nước láng giềng, bọn lười nhác như vợ chồng anh chàng Bà-la-môn, bọn làm nghề đi xin, y lại vào sự bố-



thí của người khác để sống... Trong lúc ấy thì những nguyện-vọng, tình nghĩa rất chính-đáng của những người lương-thiện như vua cha, đình thần, vợ con lại bị Thái-tử từ chối, phụ-rẫy.

Chúng ta có thể nói, bao nhiêu nước mắt đã chảy, nước mắt của những người trong truyện, bao nhiêu nước mắt của khán-giả đã đổ, đều do hành-động bố-thí thiếu sáng-suốt, thiếu suy-nghĩ của Thái-tử Tu-đại-Noa, người sẽ thành Phật trong kiếp sau !

Một điều đáng phàn-nàn Thái-tử nữa là tại sao hạnh bố-thí của Thái-tử chỉ hạn cuộc trong tài-thí mà thôi (vợ con Thái-tử cũng xem như của cải). Trong hạnh bố-thí của đạo Phật còn có nhiều hình-thức cao-thượng đẹp đẽ hơn nữa kia mà ! Sao Thái-tử không làm vô-úy-thí cho đình-thần, vợ con, dân-chúng khỏi lo sợ kinh-hãi ? Sao Thái-tử không làm Pháp-thí để cho bọn gian-tham, ác-độc, bọn lười nhác, sống trên lưng người khác bỏ tham-lam ác-độc, lười nhác để cuộc đời được yên vui, đẹp đẽ hơn ?

Chúng tôi đã đi xem phim «Tiền-thân đức Phật-tồ». Khi đứng dậy ra về, chúng tôi buồn tủi vô hạn. Chúng tôi ngạc nhiên quanh, thấy mình lạc-lống bơ-vơ. Trong cái nhốn-nháo của khán-giả xô nhau ra cửa rạp chiếu-bóng, chúng tôi đã bắt gặp những vệt nước mắt chùi chưa sạch trên má, những hàng mi còn ướt của những thiếu-nhi, những nữ tu-sĩ... Chúng tôi cũng bắt gặp những nụ cười chế-nhạo, hoài-nghi của những thanh-niên, có lẽ mới tiếp-xúc với Đạo Phật qua phim ấy. . Chúng tôi nghe văng-văng tiếng trầm-trồ khen ngợi, chúng tôi cũng nghe những tiếng chê trách nghiêm-khắc : «Thật là ngu-xuẩn, vô nhân-đạo». Chúng tôi thấy bơ-vơ giữa hai luồng dư-luận trái ngược ấy. Chúng tôi chắc những người khen ngợi sẽ về cố tập làm bố-thí theo kiểu của Thái-tử Tu-đại-Noa ; chúng tôi cũng tin chắc những người chưa hiểu đạo Phật đi xem phim ấy trở về sẽ có một quan-niệm rất nghiêm-khắc đối với đạo Phật và sẽ không dám đến gần đạo



nữa. Cả hai thái độ ấy đều tai hại như nhau. Lỗi ấy tại ai? Hăng phim sẽ bảo là họ theo đúng câu truyện mà đức Phật đã kể. Thật ra thì họ theo cũng gần đúng câu chuyện đấy. Nhưng họ quên một yếu-tố quan-trọng là yếu-tố thời-gian. Đức Phật đã kể chuyện ấy trên 2.500 ở Ấn-độ. Xã-hội, với những tâm-lý, lễ-thói, tập-tục của Ấn-độ thời ấy khác xa với xã-hội, tâm lý và tập-tục của thế-kỷ hai mươi. Thời ấy ở Ấn-độ, người vợ và con là thuộc quyền sở-hữu của người đàn ông, chủ gia-đình. Khi thuyết-pháp, đức Phật nhắm vào căn-cơ, tâm-lý của thính-giả của Ngài lúc bấy giờ, là những người đang ôm giữ tài-sản, vợ con như là những vật sở-hữu riêng của mình. Tâm ý của đức Phật là ngầm bảo họ đừng tham-lam, gìn giữ một vật gì, dù quý bao nhiêu, trong khi làm hạnh bố-thí. Làm thế nào, để thính-giả nghe mà bỏ được tánh tham-lam, là thành-công. Nhưng ngày nay, đem câu truyện ấy ra mà kể hay trình-diễn trên sân-khấu hay trên màn-ảnh là một việc làm tỏ ra thiếu suy-xét, thiếu hiểu biết về tâm-lý xã-hội. Ngày nay, quan-niệm về tự-do cá-nhân, về nhân-phẩm, về tình-ái, về hiếu-nghĩa, về quyền hạn của những phần-tử trong gia-đình đã thay đổi rất nhiều; đem một câu chuyện của một thời-đại xa xưa để kể cho người đương-thời nghe mà không cần nhắc đến những sự kiện trên, thì thế nào cũng sẽ gặt hái những thất-bại nặng-nề.

Đó là những bài học quý-báu cho những ai có nhiệm-vụ truyền-bá Phật-giáo ngày nay.



Điệu - Bông

của K. Khả-Chính

ĐẾN viếng Phật-Học Viện N.T mà chưa được nghe điệu Bông thuyết pháp, đổ ai về được cho đành ? Phật - tử Việt, Pháp, Hoa cũng như Mỹ đã đồn-đãi rất nhiều về những chuyện kỳ lạ của điệu này. Mà cũng kỳ lạ thật, nhất là đức hiếu-sinh và trí-thông-minh sớm-nở của Chú.

Năm nay, Chú độ 5 tuổi, gương mặt mún-mím như kim-đồng ở chốn động đào trên các bức tranh tàu. Cũng cái ó vông trước mở-ác, cũng đôi má phính-phính, cũng cặp mắt lóng lánh như sao sa, cũng đôi môi hồng thắm như luôn luôn tỏa nở một nụ cười bất tuyệt. Đó là khi chú chưa cười đấy. Đến khi chú cười thì in như tuồng cái gì trong con người chú cũng ngân lên những thanh-âm trong trẻo. Từ đôi đồng tiền lỏm xuống trên đôi má

phính cho đến da-dẻ hồng-hào mập-mạp của đôi bàn tay búp-măng và đôi bàn chân nõn-nà xinh xắn, toàn người chú vang-vang lên một chuỗi cười trong sáng hiền-hòa. Nụ cười ấy cứ tỏa cao, ngân xa mãi mãi, như một khúc từ-bi đương trời dậy hư-huyền. Mà không, đây là hình ảnh chú điệu Bông thật đấy ạ !

Từ ngày lên lai, vì khó nuôi, cha mẹ chú gửi chú lên chùa ở. Và cũng từ ngày ấy, chú ăn trường-trai cho đến bây giờ. Thỉnh thoảng, bà mẹ xin đem chú về thăm nhà và cố nài ép chú ngã-mặn đôi bữa để lấy thêm sức lớn, nhưng lần nào chú cũng khẳng-khái từ chối : « Ai lại làm hòa-thượng mà đi ăn mặn ! » hay : « Muốn làm hòa-thượng, phải giới-sát chứ ! ». Cứ mỗi lần có một câu trả lời ngỗ-ngộ như thế là cả chùa bàn-tán và là một dịp

cho thiện-tín thập-phương đến vẫn cảnh chùa đôn-đái thêm ra. Nhưng lời đồn không xa sự thật lắm đâu ! Có gặp chú ấy một phen và nghe những câu nói ngộ-nghĩnh của chú mới không cho là ngoa. Nhất là, bần tánh hiếu-sinh và trí thông-minh của chú là một đầu-đề bất tuyệt cho những kẻ hiếu sự muốn theo dật thêm.

Suốt từ ba năm nay bữa ăn nào cũng rau luộc chấm tương, thế mà chú cứ lớn lên như thổi, không bệnh hoạn như lúc còn ở nhà và da-dẻ lại cứ hồng-hào mãi thêm. Trí thông-minh của chú cũng theo đà ấy mà nảy-nở một ngày một phi-thường.

Oắt con mới năm tuổi đầu, chú đã tụng đọc lâu-lâu hết các nghi-thức khoá-tụng hằng ngày của Chư Tăng. Không những chỉ tụng đọc mà thôi, chú còn giảng-giải rành-rẻ từng câu từng đoạn nữa. Lại nhất là khi chú thuyết-pháp ! Chú bé luôn luôn tươi cười và dễ-dãi, nhưng thỉnh được chú bé ấy thuyết-pháp cho nghe không phải là chuyện dễ. Ai không biết ý, xem việc thuyết-pháp của chú như một trò đùa để giải-trí chơi trong chốc lát, chú không bằng lòng đâu. Coi chừng, chú hay nói lảng sang câu chuyện khác, hoặc hỏi «cà-khja» để ví kẻ đối-thoại

vào ngõ bí, rồi chú cáo-lối, viện cớ mệt mỏi vì đã nói chuyện quá lâu, đề xin hẹn một dịp sau. Tuy trong thâm-tâm chú bất-bằng, nhưng về mặt chú bao giờ cũng từ-hoà. Trong những lúc ấy, giá khách có cầu-cứu Sư-trưởng can-thiệp, chú cũng không chịu bố-thí cho nghe một câu nào nữa. Có lần Sư-trưởng vì quá chiều khách vắn chú một cách ngặt quá, chú mới chịu tuyên-bố lý-do. Đây lý-do từ-chối của chú :

— Bạch Thầy, Pháp là của báu trong thiên-hạ. Người nào có đủ tư-cách xứng đáng mới được hưởng của xứng đáng ấy. Ông này xem việc nói Pháp như một trò đùa, như vậy là thiếu cung-kính với Pháp-báo, đâu phải là người xứng đáng để được lãnh Pháp báu ấy ! »

Thế rồi, từ miệng này truyền qua miệng khác, danh tiếng chú Diệu-Bông lan rất mau. Và hễ thiện-trin nào từ xa lại, muốn nghe Diệu-Bông thuyết-pháp cũng phải trang nghiêm cung-kính. Rồi cũng lễ thỉnh-sư, cũng lễ yết Phật và cũng có lời giới thiệu của sư-trưởng. Trịnh-trọng như một vị tôn-túc khi khai pháp-hội ! Phải quan-sát kỹ diệu bộ đứng ngồi của chú mới thấy là hy-hữu. Có một vẻ gì nơi chú vừa rất khôi-hài, lại vừa rất trang trọng. Nếu ngồi thì là kiết-già, mình



ngay ngắn, hai tay đặt lên hai vế đùi. Nếu đứng thì là người thẳng băng, hai tay chấp thành hình búp sen trước ngực. Sau lời giới thiệu của sư-trưởng, chú cúi đầu niệm Phật đủ ba lần, xong cất cao giọng bắt đầu thuyết-pháp :

« Hôm nay, giảng-sư nói về tam-quy . . . » Giọng thuyết-pháp rang rang khi lên bổng, khi xuống trầm như một người lớn. Những vấn-đề cơ bản trong Phật-giáo, không vấn-đề nào chú không nói được. Vấn-đề nào khó lắm, chú cũng đủ sức

hấp dẫn thính-giả mười phút. Trong lúc ngồi nghe, ai vô-tình hoặc sơ-ý có những dáng-diệu cử-chỉ kém trang nhã, thế là chú đưa tay ra làm hiệu đề biết mà chỉnh-đốn lại. Tay ra hiệu, nhưng miệng vẫn nói sang-sảng.

Tôi là một trong số tín-đồ được chú cảm-hóa, nên một hôm, cao

hứng thế nào không biết chú kể cho tôi nghe câu chuyện sau đây, trong một thời thuyết-pháp của chú.

« Ngày xưa, — chú nói — lúc loài người còn thuần lương và cạp beo cũng chưa hung ác lắm có một vị hòa-thượng vào ở tu trong một động nọ trong núi. Quanh năm ngài chỉ dùng hoa trái. Ngài ở một mình, nên ban đầu ngài rất khó nhọc trong việc mưu-sinh. Sáng sáng, sau thời công phu, ngài rời động đi hái hoa bẻ trái. Về sau hoa trái xung quanh động hiếm dần,

ngài phải lần mò đi xa hơn. Rồi ngài gặp trâu rừng, bò hoang, cả chó sói và cạp, beo nữa. Con vật nào khi mới gặp ngài cũng sung - sướng tưng - tưng sắp được một bữa chén ngon. Không ngờ, tất cả đều bị ngài chinh-phục cảm-hóa và đều xin quy - y làm đệ-đệ với ngài, như đệ-đệ Bông tôi bây



giờ đây. Điều Bông tôi cũng Phật
tò chinh-phục cảm-hóa, đạo hữu
nghe rõ chưa ?

« Thường lệ, cứ mỗi sáng, sau
buổi công-phu sớm, hòa thượng
phân-công cho điệu Cọp, điệu Beo
điệu Sói, điệu Trâu, điệu Bò, mỗi
điệu đi mỗi hướng, kiếm hoa trái
về dâng cúng Phật, rồi sau đó,
thầy trò cùng quần-tụ lại thọ trai.
Ngọ trai xong, các điệu ngồi chõm
hòm vây quanh thầy đề vấn kinh
thỉnh pháp. Bài thuyết-pháp của
hòa-thượng lúc bấy giờ rất đơn
giản, chứ không nhức óc như
những bài tôi đã giảng cho đạo-hữu
nghe đâu. Có lẽ, vì lúc bấy giờ,
loài người cũng như loài vật chưa
hung-ác một cách sâu-sắc và cao-độ
như ngày nay. Điều hòa-thượng
dạy bảo cho các điệu thường chỉ
quanh-quần xung quanh lòng từ-bi
và lấy giới bất-sát làm giới tu căn
bản. Và cũng có lẽ, vì ngày ấy,
ngay cả Cọp beo cũng chưa giết hại
nhau một cách có khoa-học nghĩa
là quá độc ác, nên nói giới-sát
phóng sanh, người và loài vật mới
mau nhận ra lẽ phải. Ngày nay
đạo hữu ạ, vì tất cả, loài vật cũng
như người, nhờ khoa học, đã tiến
vượt mức trong khoa chém giết, nên
nếu chỉ nói giới sát với họ một cách
đơn giản mà không có một lý-
thuyết cao siêu làm họ phải bề đầu

chưa chắc chắn họ đã thềm nghe !
Nghề ở đời, sau khi đã nhiệm thối
quen giết chóc rồi, người ta xem
sự giết chóc như một bản tánh thứ
hai. Không khéo người ta hóa Cọp
hết ! mà lại không được như điệu
Cọp của vị hòa - thượng mà tôi kể
chuyện đây ! Vì sao tôi phỏng-
đoán như vậy ? Thì đây, đạo hữu
hãy nghe tiếp :

« Một hôm, điệu Cọp không
hiều vì giận điệu Trâu việc gì đó,
thú tánh của loài cọp nổi dậy. Điều
Cọp liền cất bàn chân trước lên,
định tát vào yết hầu của điệu Trâu,
Điều Trâu vừa né được thì cũng
lúc hòa-thượng bắt gặp. Không biết
trong mắt Hòa-thượng có mãnh-lực
gì, khiến điệu Cọp phải co giò lại
và úp mặt xuống đất khóc nức nở.
Khóc theo kiểu khóc riêng của cọp
nhưng với lòng thành thật hối-lỗi
của loài người chân chính, chứ
không phải khóc như loài người
chân chính khóc và hối-lỗi như
loài cọp chính tông hối-lỗi ! Khóc
xong, điệu Cọp bạch thầy xin
phép lên trước Phật lạy sám-hối
Điều Trâu cảm động vì lòng chân
thành của điệu Cọp, cũng xin lên
sám-hối theo. Cả hai cùng nguyện
từ đó không làm điều gì hại nhau
và sẽ cùng với các điệu khác trong
động cùng sống triệt đề theo tinh-
thần lục-hòa. Đạo hữu đã hiểu lục

hòa là gì rồi đấy chứ ! Ấy là thân hòa đồng trụ, khẩu-hòa vô tránh, ý hòa đồng-duyet, giới-hòa đồng-tu, kiến-hòa đồng-giải, lợi-hòa đồng-quân đấy mà !...

Giọng của « giảng-sư » Bông năm tuổi cứ rang-rang nói một cách say mê. Trong xác-thân bé bỏng ấy tuồng như có một tâm-hồn khác, già giặn hơn, đang ngự-trị. Câu điệu-Bông trả lời cho thập - phương : « Tôi tu để làm hòa-thượng » như chập-chờn ám-ảnh trong đầu óc tôi trong lúc điệu - Bông say-mê nói Pháp. Kia ! gương mặt vẫn là mặt măng-thơ mủm-mỉm của chú bé còn đề vá, nhưng sao lời-lẽ lại là lời-lẽ tinh-tế của một vị đại-lão hòa-thượng ! Mắt tôi đánh chớp ! Hai hình-ảnh, một già, một trẻ, như vờn nhau và chõng lên nhau. Tôi cảm-giác như chú bé đang ngồi nói pháp cho tôi nghe không phải là điệu Bông nữa, mà chính là vị hòa-thượng đang

cảm-hóa bày thú trong truyện. Còn tôi, tôi cũng không còn là con người sống trong xã-hội khoa học văn-minh, mà là một « điệu Cọp con » đương phủ-phục sám hối tội lỗi của loài thú ăn thịt người. Tôi mơ-màng tưởng nghĩ lui về dĩ-vãng xa - xưa, thời mà thú và người chung - đụng nhau không ai bị hại. Tôi lại đặt tin-tưởng vào một tương-lai tươi sáng mới, một tương lai mà ít nhất là không còn diễn ra cảnh người ăn thịt người như ác thú dã - man. Lý-do tôi hy-vọng là vì . . . đương có một điệu Bông năm tuổi hiện rất hăng-hái và thành - khẩn giáo-hóa con người giới-sát phóng-sanh bằng đủ mọi phương tiện.

Hy-vọng của tôi có mơ-hồ lắm không ? Chỉ có điệu Bông hiện-thuyết-pháp và các điệu Bông khác về sau mới đủ sức trả lời một cách thỏa đáng.

NHẮN TIN

Bà NGUYỄN DUY-TIÊN : Báo đã đưa tận nhà và đã có người nhận từ số 1.

Thiếu-úy HOÀNG-EM : Báo tính từng số mà không kê theo tháng, đã đọc kỹ thư bạn.

Thầy THÍCH TÂM-HOÀN : Đã cho gửi 2 số báo thiếu ấy.

Hạ-sĩ TỐNG-VIỆT-MIẾU : KBC 4953. Đã nhận được thư.

Ông LÊ-VĂN-GIAO, Ông HUỖNH-VĂN-MÃO : (HUẾ). Đã gửi thư riêng và cũng đã cho gửi báo.

Ông HÀ-TẤN-VIỆN : Chúng tôi đã cho gửi báo cho ông từ số 13 đến 21. Xin ông nhớ gửi ngân-phiếu cho và nhớ đề : Quản-lý Phật-giáo Việt-nam 243 Sư Vạn-Hạnh Cholon.

XIN LƯU Ý : Các vị ở xa muốn mua nguyệt-san Phật-giáo Việt-nam xin **nhớ ghi rõ địa-chỉ và tên thật** đề ty Quản-lý khi cần, tiện việc gửi báo bằng lối bảo đảm.

Thầy Bửu-Đức

Truyện Phóng-tác của Gia-Hưng-Bác

KHẮP một miền Giang-Châu sáu Phủ dân chúng chẳng một ai rõ biết lai lịch gốc gác của thầy Bửu-Đức cả. Già trẻ gái trai người người đều gọi thầy là thầy Bửu-Đức, mà Bửu-Đức là tên một ngôi chùa cò, mái đồ tường xiêu, rêu xanh phủ nóc.

Thầy đến ngôi chùa Bửu-Đức sau một cơn binh cách miền Giang-Châu. Ngôi chùa hoang phế nép dưới tàn cây bồ-đề to lớn như nửa ăn nước hiện trên triền núi Túy - Vân sơn mà đã từ lâu không mùi hương khói, chẳng tiếng công-phu. Cả dân-chúng quanh năm cũng ít ai dám bén mảng đến tận sân chùa đề bân chim, hái củi và cái vẻ âm u cô- tịch của ngôi chùa đã khiến đôi kẻ mặt lưng gan bé phải tưởng tượng rằng trên đó có ma linh quỷ dữ rồi ban đêm họ hay nhắc đến đề hãm he trẻ con khó dò.

Thế mà vào một buổi tối hôm nào, sao lu trăng khuyết, dân chúng dưới chân núi Túy-Vân sơn bỗng nghe có tiếng mõ gõ chuông ngân trên chùa.

Không ai bảo ai, nhà nhà đều đổ xô ra trông lên triền núi thì đích là tiếng mõ hồi chuông từ trên Bửu-Đức-Tự văng vẳng nhạt khoan vọng xuống với một đốm lửa lập lòe. Vài ba kẻ yếu bóng vía vội rùng mình mọc ốc !...

Xem chán rồi bàn tán, bàn ngoài sân chán rồi vào nhà bàn, nhưng chẳng có ai đáp được tại sao thỉnh không lại có tiếng chuông mõ và ánh lửa trên ngôi chùa đã từ lâu bỏ vắng.

Sáng hôm sau, khi tiếng gà trong xóm vừa eo óc gáy hiệp thứ nhì thì ông già bà cả đã chồi dậy nấu nước pha trà, vừa uống vừa bàn lại câu chuyện dang-dờ hồi đầu hôm. Và đến khi ánh mặt trời vọt lên khỏi



đỉnh núi, cỏ cây đã ráo động mù sương, vài ba người dạn-dĩ nhất trong xóm đồng rủ nhau lên tận ngôi chùa để xem điều hư thiệt thế nào.

Tới nơi, khỏi mất công tìm kiếm, họ đã gặp ngay một vị lão tăng đầu trọc, mặt nâu sùng, dáng người mảnh-khảnh, nhất là vẻ mặt đầy phúc hậu, trán cao, cằm rộng, đôi má gầy và cặp mắt sáng.

Vị lão tăng xắn tay áo rộng đang bút cỏ khô bó thành chổi chùng như để sửa soạn quét dọn ngôi chùa. Thấy có người lên, lão sư chấp tay vái chào :

— Mô Phật ! Bần tăng kính chào chư vị.

Người dưới xóm lễ phép đáp lại :

— Dạ ! Chúng tôi kính chào thầy.

Đề mọi người khỏi băn-khoăn về sự bỗng không lại có mặt mình ở đây, vị lão tăng chậm rãi nói :

— Bần tăng là kẻ tha phương hành-đạo, chiều hôm qua nhân đi ngang đây, ngõ là cửa thiên có người đồng đạo nên ghé lại toan xin tá túc một đêm, té ra lên tới nơi xem thấy cảnh-tượng tiêu sơ hoeng-vắng như thế này bỗng động lòng cảm xúc, nên Bần tăng tính ra tay lau cột quét nền mà chưa kịp xuống núi xin phép, xin chư vị miễn-chấp cho.

Thoạt đầu người người đã có ý cảm mến ngay khi ngắm qua dáng điệu hiền từ chơn chất của nhà sư, nay lại được nghe những lời khiêm nhường từ tốn trên thì càng thêm kính trọng hơn nữa, nên vội vã chấp tay bái tạ :

— Chẳng dám, chẳng dám ! Chúng tôi là người đạ phương lễ ra thì phải chăm lo quét tước chùa chiền, sớm hôm hương khói song vì nặng gánh thường linh, bận rộn gia thế đái tử mà cem đặc tội với Phật Thánh Nay được thầy đi ngang qua đây tự khởi xướng việc làm ấy thì chúng tôi nguyện góp sức với thầy chứ nào dám chấp nhất chi.

Thế là qua đôi câu trao đổi, hai bên kẻ tăng người tục đã cảm thông nhau đồng một tín ngưỡng, nên cùng nhau bắt tay làm việc và đến giữa trưa thì bên trong và bên ngoài ngôi chùa Bửu-Đức đã đặng phần sạch sẽ hơn xưa.

o o o

Từ đó trở đi, dân chúng dưới chân núi Túy-Vân sớm rộn rịp tới lui cửa Phật và sớm chiều chùa Bửu-Đức đã vang lên câu kinh tiếng mõ, trống đội chuông ngân, khói hương quyện lấy mái chùa, rồi cũng từ đó

vị lão tăng lạ mặt ấy được dân chúng đồng xưng hô là thầy Bửu-Đức.

Thầy Bửu-Đức là người tha phương hành đạo nên sự sản của thầy chỉ có cái chuông, cái mõ, mười bộ sách, hai bộ đồ mặc vải nâu và một túi đựng rễ cây, củ cỏ.

Cái túi rễ cây củ cỏ của thầy Bửu-Đức phải nói là một kho thuốc vô giá, bởi mới đến đây đầu hôm sớm mai mà thầy đã cứu chữa được hai người mắc bệnh nan trị ở dưới chân núi.

Người thứ nhất mắc bệnh rét kinh niên mà mỗi khi lên cử, người ta cứ ngỡ là bị quỷ ma nhập vào phá khuấy. Cơ thể con bệnh càng ngày bị rút rĩa, xanh xao vàng vọt. Đến khi thầy Bửu-Đức xem mạch và cho thuốc thì cơn bệnh dần dần thuyên giảm.

Người thứ hai mắc bệnh tê bại đi đứng không được. Người nhà đã rước năm bảy Pháp sư về đặt đàn ếm đối, bày binh bố trận chuyên chữa liên tiếp cả tháng, nhưng rồi đâu cũng hoàn đẫy. Tới chừng uống thuốc của thầy Bửu-Đức thì ít lâu cơn bệnh đã lần vách đi đứng chập chững.

Thấy thế có người đồ chừng rằng : Bởi lũ ma quỷ đã khiếp sợ trước vị cao đồ nhà Phật nên cơn bệnh mới dặng lành mạnh, song thầy Bửu-Đức lật đặt giải thích : Hết bệnh là nhờ ở thuốc men.

Sau khi hai người dưới chân núi được khỏi bệnh, các con bệnh xa gần nghe đồn đãi, vội vã tấp nập kéo đến chùa Bửu-Đức xin thuốc, đường lên xuống chùa dập dìu khách chữa bệnh và cúng Phật tới lui, chẳng mấy chốc mà tiếng tăm của thầy được người người truyền tụng khắp sáu phủ miền Giang-Châu. Nhưng kẻ có giả tâm xấu xa độc ác, chuyên lừa đời dối thế thấy vậy thì găm ghé thêm thường cái địa vị của thầy vì bọn đó cho rằng nếu được uy danh như thầy thì sẽ tha hồ mà khuấy trời chọc nước.

Nhưng, thầy Bửu-Đức thì tuyệt nhiên trước sau vẫn giữ một mực xả thân cứu đời, giúp người, chẳng ham nghe điều tâng bốc, không màng lễ vật tạ ơn, ấy chẳng phải thầy kém thông minh thua hạng người chỉ vụ lợi, mà là do bần chất trung thực của thầy mà ra.

Thầy chẳng muốn làm một Trương - Giác đời Hậu Hán (Tam-quốc) thứ hai, lợi dụng lòng tin của nhân dân để lôi kéo họ



vào vòng lửa binh thảm họa hầu tranh danh đoạt lợi cho thỏa lòng ham muốn ích kỷ của mình, mà thầy chỉ muốn làm một đệ tử trung thành khồ hạnh của nhà Phật, đem ánh sáng quang minh chính đại, đem lòng bác ái vị tha gieo khắp vào lòng chúng sinh hầu muôn người như một trên kính Phật, dưới yêu người, ra đường chẳng lượm của rơi, nhường người tuổi tác, trong nhà trên thuận dưới hòa, cha con chồng vợ giữ gìn một niềm ngay thảo.

Thầy thường răn dạy mọi người rằng : Tai họa một trào lưu luân thường bại hoại, đạo-lý suy đồi, là biểu hiệu gia đình sụp đổ, quốc gia hèn yếu, mà biết bao gương kim cò còn lưu lại trong trang sử bi thương !

Càng yêu mến kính trọng thầy, dân chúng trong miền Giang-Châu càng tò mò tìm hiểu lai lịch của thầy, nhưng đã lắm lần họ phải thất vọng vì thầy không chịu thổ lộ.

Cuối cùng, vì nề lòng các bậc lão thành hết sức khần khoản, thầy Bửu-Đức qua một phút trầm ngâm suy nghĩ, chậm rãi kể lại sơ lược như vầy :

o°o

Năm mươi bảy năm về trước nơi thôn Vi-linh có một đôi vợ chồng nông phu làm ăn chơn chất và hết dạ kính trọng thương yêu nhau. Sau ngày cưới được hai mùa gặt hái, người vợ hạ sinh được một mụn con trai kháu khỉnh. Nhưng, đau đớn thay, khi đứa bé vừa hơn một thôi nôi thì người vợ vội lìa bỏ cuộc đời sau hơn một năm trời ốm đau oằn oại mà chẳng một chút thuốc thang vì gia cảnh quá ư nghèo khổ ! Người chồng nhìn con cô, khóc vợ vắng, tưởng chừng như khô nước mắt.

Rồi từ độ ấy người chồng cam phận gà trống nuôi con, vừa chạy ăn, chạy mặc, vừa chăm nom săn sóc trẻ thơ. Đứa bé càng lớn lên càng trông đĩnh ngộ dưới sự nâng niu trau mến của người cha và cũng nhờ thế mà người cha tạm nguôi ngoai quên bao sầu bi thương nhớ, bao cực nhọc lao lung !

Cũng ngỡ rằng cuộc sống gượng gạo đó sẽ kéo dài mãi mãi đến ngày người đàn ông kia cổ dậu, có cháu, nào dè họa vô đơn chí, năm đứa bé lên mười tuổi thì thôn Vi-Linh thành linh phát khởi thiên-tai dịch-lả.

Tiếng cồng trống, tiếng thét la của các Pháp-sư thỉnh thần tống quái hằng đêm vang lên đầu làng cuối xóm, song ôn-bình dịch-tả không chịu nhường bước. Về đêm, tiếng đóng quách dội lên chan chát, tiếng chân người chạy tới lui rầm-rập, làm đau buốt cả tim gan, máu tang-tóc thê lương bao trùm lấy vuông tóc xinh-xắn. Trên vẻ mặt mọi người đều hiện rõ nét âu lo kinh-khủng!

Người đàn ông góa-bụa trên sau nhiều ngày tận-lụy tham-gia cứu-cấp và chôn xác người mắc bệnh cũng không thoát khỏi tiếng gọi của tử-thần. Trước khi nhắm mắt, người thều thào trăn-trối lại cùng người hàng xóm nhờ đem đứa con trẻ xấu số, con của người ký gửi cho vị Hòa-thượng, chủ trong thôn. Tới đây, người tắt hơi, hồn nương theo khoãng hư-vô về bên kia thế-giới bỏ mặc đứa trẻ ngây thơ kêu cha réo mẹ khóc la thảm-thiết!

Tám năm sau, một hôm vị Hòa-thượng chùa Vĩ-linh gọi đứa bé, lúc đó đã mười tám tuổi, đến một bên buồn rầu kể lại nguồn gốc của nó và đợi cho sự xúc-động của môn-đồ đã lắng xuống, Hòa-thượng mới ôn tồn khuyên giải rằng:

— Con ơi! Con trót sinh làm người sớm nếm mùi phiền lụy, cho nên ta biết lòng con càng muốn lánh xa trần-tục, mượn câu kinh tiếng mõ vui tai, tìm denh lam thặng-cảnh đẹp mắt, hầu siêu-thoát cuộc đời. Song, con ạ! con phải nhìn lại kiếp đồng-loại đang lo ngại trong vòng khờ ải, rét không áo, đói không cơm, mưa nắng không nhà, đau không thuốc uống... kể làm sao cho xiết những cảnh tan lòng nát ruột! Vì vậy, ta mong rằng sau này lớn lên, mặc dù xuất-gia đầu Phật, con cũng không tách mình xa hẳn cuộc đời, vào thâm-sơn tu ẩn, mà ngược lại phải can-đảm gắn liền với muôn họ, đem điều giáo-lý nhiệm-mầu, đem lòng từ-bi bác-ái rải khắp nơi nơi, giác-ngộ người người quay về con đường đạo-đức, trọng luân thường, đem tài năng trí óc xả thân cứu giúp đồng-bào, xoa dịu vết thương ngày càng hoành hành sát phạt họ!

Vâng lời chỉ giáo, chú Tiểu chùa Vĩ-Linh bèn khờ-hạnh học tập, gia công sru-tằm nghiên-cứu các loại rễ cây, củ cỏ... chế biến thành những phương thuốc thần diệu, cứu chữa cho người, cự-dịch với bệnh tật và nhờ nơi ý chí sắt đá đó mà bệnh tật đã thua trận lui bước trước thắng lợi của thuốc men ngày càng tiến-triển.



Tiền Phật đến, ma quỷ lui, đạo lý đến, suy đồi mất và thuốc thang đến, bệnh tật tan, đó là chân-lý.

o°o

Các vị bô lão nghe thầy Bửu-Đức kể qua thầy đều ngậm ngùi rơi nước mắt! Và họ cũng vừa hiểu được bởi nguyên nhân nào đã un đúc thầy Bửu-Đức hy-sinh cả cuộc đời xuất-gia đầu Phật và gieo vào lòng dân việt một tình thương yêu bao la như bề cả.

Vì thầy Bửu-Đức và chú Tiều chùa Vĩ-linh là một.



Cuộc thi giải-trí hằng tháng

của

NGUYỆT - SAN PHẬT - GIÁO VIỆT - NAM

CÂU 1 : Trong lịch-sử Việt-nam, có vị nào xuất-thân từ nhà chùa mà ra làm vua rất được tiếng-tấm ? Và có vị nào đã bỏ ngai vàng mà xuất-gia và đã lập nên một tôn phái mới ?

CÂU 2 : Chùa Từ-Đàm (Huế) thành lập từ năm nào ? Do vị sư nào xây dựng ? Chùa đã chứng kiến một sự việc gì rất quan-trọng đã xảy ra trong lịch-sử Phật-giáo Việt-nam ? Vào năm nào ?

CÂU 3 : Có bao nhiêu người đáp trúng ?

Bạn nào trả lời trúng cả 3 câu sẽ được tặng :

Giải nhất : Một bộ Phật-giáo Việt-nam Nguyệt-san đóng thành tập rất đẹp và một quyền kinh.

Giải nhì : Sáu sổ Phật-giáo Việt-nam Nguyệt-san và một quyền kinh sách Phật-giáo.

Giải ba : Ba sổ Phật-giáo Việt-nam Nguyệt-san và một quyền kinh sách Phật-giáo.

Ngoài ra, nếu vị nào đáp trúng hai câu trên này sẽ được thưởng một quyền kinh sách Phật-giáo.

BA MƯƠI NĂM CÁCH-MẠNG PHẬT-GIÁO TRUNG-HOÀ

(Tiếp theo và hết)

Nguyên-tác : **Thái-Hư**

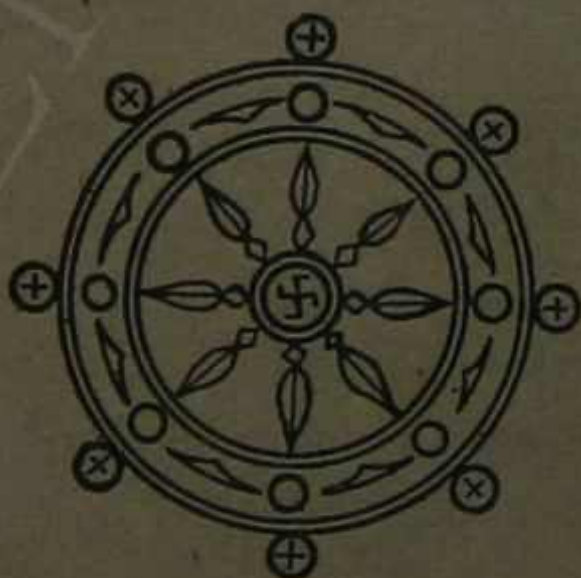
Phỏng-dịch : **Thanh-Từ**

V.— Phật Giáo Trung-Hoa bị hai nguồn tư-tưởng tân, cựu của ngoại-quốc chi-phối.

Những năm gần đây, Phật-giáo Trung-Hoa biến chuyển một cách nhanh-chóng, từ « Phật-giáo của Tăng, Tỳ » giải-phóng thành « Phật giáo của các tầng lớp dân chúng » Nhóm Tân-hưng Cư-sĩ và thanh-niên học-tăng rất dễ cảm-nhiệm tư-tưởng ngoại-quốc, nên hiện tình Phật-giáo Trung-Hoa trở thành hai phái. Một phái khảo-cứu Phật-giáo nguyên-thủy Tích-Lan, Tây-Tạng. Một phái chạy theo tân Phật-giáo Nhật - Bồn và Tây-Dương. Hiện nay lại có một phái Tây-Tạng Cực - Đoan họ đề xướng thay đổi cựu Phật-giáo Trung-Hoa,

thật là một việc làm không đâu. Thời gian gần đây, phong-trào du học ngoại-quốc được khai-diễn. Người sang du-học Nhật-Bồn rất đông, vì ở đây kế-thừa được toàn bộ Phật-giáo cổ-hữu của Trung-Hoa. Người sang du-học Tích-Lan, Miến-Điện v.v... cũng không kém. Nhưng, vì quốc-gia, xã-hội hiện-dại đã bị Tây-Dương hóa, nên tư-tưởng Tân Phật-giáo của Tây-Dương được Phật-giáo-đồ Trung-Hoa nghiên-cứu và hoàn-toàn lãnh-dụng. Từ khi vua Minh - Trị

duy - tân nước Nhật-Bồn, cải đổi cựu Phật-giáo Nhật-Bồn, thành Tân Phật-giáo thích-ứng với dân - chúng Tân Nhật - Bồn, thì những đoạn đường của họ đi qua, Phật-giáo-đồ Trung-Hoa nơi đâu



theo từng bước một.

Trước ngày vua Minh-Trị duy Tân nước Nhật, tăng, tự Phật-giáo Nhật-Bồn cũng bị đả-kích thậm-tệ. Mấy năm sau duy-tân, nhờ đa-số học tăng Nhật-Bồn du-học Tây-Dương về nước cực-lực cải-đổi, cựu Phật-giáo trở thành tân Phật giáo thích-ứng với tư-tưởng quần chúng hiện đại. Phật - giáo Nhật-Bồn, độ vài trăm năm trở về trước có phái Tịnh - Độ Chơn - Tôn đã thông-tục-hóa, những vị tăng ở chùa mà không thọ giới Tỳ - kheo, trừ thiều số tu theo Luật-Tôn, bị vua Minh-Trị bắt-buộc phải đồng - tục. Thời ấy, Tăng-lữ — Tăng-lữ mà không phải Tỳ-kheo — chỉ có học thức về Phật-giáo và lấy Phật-giáo làm chức-nghiệp, chớ không thiết đến luật-nghi và tu-dưỡng.

Phật-giáo Nhật - Bồn hiện-đại được hùng-thịnh là do nhân gieo từ ba mươi năm trước, nên những năm sau này mới được gặt quả. Hiện thời Phật-giáo Nhật-Bồn lập được sáu trường Đại-Học, mỗi tôn phái đều tổ-chức có hệ - thống nghiêm-mật và có Viện-Tôn-Vụ để ban Chấp-Hành coi việc hành-chánh. Về mặt ấn-hành kinh điển đã in được bộ Đại-Tạng, bộ Tục-Tạng và bộ Tục-Tạng hậu; khoảng năm Đại-Chánh, hoàn thành được bộ « Đại Chánh Tân-Tu Nhất-thiết kinh »

Lại dịch Đại-Tạng kinh Hán-Văn thành Nhật-Văn và chọn những bộ kinh trong Đại-Tạng Ba-Ly-Văn mà Trung-Hoa chưa dịch, bèn dịch ra Nhật-Văn để bồi-túc Đại-Tạng kinh Nhật-Bồn. Ngoài ra họ còn lập nhiều trường Trung-Học và làm nhiều việc từ-thiện xã-hội không thể kể hết.

Nhưng, Phật-giáo Nhật - Bồn năm gần đây, vì cực phát-triển nên mắc phải chứng bệnh bùng-bọt chạy theo thời-đại. Bởi muốn thích-ứng xã - hội để được hưng thịnh, công-nghiệp cách mạng trở thành tư-bồn chủ-nghĩa, nên Phật-giáo theo bệnh thái chủ-nghĩa tư-bồn và dần-dần mắc phải chứng bệnh trên vậy. Vì thế, muốn cách mạng Phật-giáo Trung-Hoa, ta không nên theo hần đường lối Phật-giáo Nhật-bồn cho đó là toàn-bị. Phật-giáo Trung-Hoa thật-tế phải thụ nhận tất cả cái hay của Đông, Tây, Cồ, Kim để sau này xây dựng tân Phật-giáo Trung-hoa, hoặc tân Phật-giáo thế-giới.

VI.- Phật - giáo Trung - hoa được các nước Âu, Mỹ nghiên-cứu.

Phật-giáo tuy gốc phát-xuất tại Ấn-độ, mà Ấn-độ đã sớm mất Phật-giáo. Sau khi Phật nhập Niết-bàn, có thể nói trong năm trăm năm đầu, Phật-giáo thịnh-hành ở Tích-

lan, Diển-diện, Xiêm-la, trong năm trăm năm kể, Phật-giáo thịnh-hành ở Trung-hoa, Nhật-bồn, qua năm trăm năm sau, Phật-giáo thịnh-hành ở Tây-tạng, Mông-cồ v.v... Trước kia, những nước có Phật-giáo chỉ thuộc ở Á-châu; độ một trăm năm gần đây, Phật-giáo đã truyền sang Âu-châu, Mỹ-châu và tràn khắp thế-giới. Sau thời Âu-chiến, Phật-giáo truyền-bá cực kỳ nhanh chóng. Từ ngày thực-dân Anh đặt chân lên nước Ấn-độ, Tích-lan, thì Anh-văn, Phạn-văn và Ba-ly-văn giao-lẫn nhau mà phiên-dịch các kinh sách. Kinh-diễn Phật-giáo dịch sang Anh-văn, ban đầu do Ba-ly-văn, kể đó Phạn-văn và Tạng-văn. Phật-giáo du nhập Âu-châu là do trực-tiếp dịch kinh điển Phạn-văn, hay gián-tiếp dịch kinh điển Anh-văn sang Đức-văn, Pháp-văn, Ý-văn v.v. Phật-học bằng Phạn-văn được đa-số người Đức nghiên-cứu. Hiện nay, Tăng-đồ Tích-lan sang Luân-đôn, Ba-lê, Nửu-ước v.v... truyền-bá Phật-giáo. Phật-giáo truyền sang Đông-bộ Mỹ-châu là do người Anh, vùng Tây-bộ Thái-bình-dương như Cựu-Kim-Sơn, Hạ-uy-di v.v... do người Nhật truyền vào. Nhưng, ảnh-hưởng Phật-giáo Nhật-bồn, trừ ngoài vùng Tây-bộ Mỹ-châu, không còn được thấy ở đâu khác nữa.

Vì văn-tự Trung-hoa cách biệt

văn-tự Tây-dương quá xa, và lạ những học - giả Tây - dương vài Trung-hoa chỉ học-tập đạo Nho và các thuyết khác, ít khi nghiên-cứu đến Phật-giáo, cho nên kinh Phật bằng Hán-văn tuyệt nhiên không có phiên-dịch sang văn các nước Tây-dương Âu, Mỹ; hoặc giả có dịch, cũng gián-tiếp dịch lại Ba-ly-văn, Phạn - văn, Tạng-văn; nhưn đó, Âu, Mỹ không chú trọng nghiên-cứu Phật-giáo Trung-hoa. Nhưng, những năm gần đây, Phật - giáo Trung-hoa được các Học-Phật Âu, sùng-trọng là do ba nguyên-nhân:

1. — Dân-quốc năm thứ 17, Thái-Hư tới du-lich Âu, Mỹ cốt truyền-bá Phật-giáo. Khi ấy, tại Ba-Lê thiết-lập thế-giới Phật-Học-Uyền và thành lập được Thông-tấn-xứ ở các nước Ba-Lê, Luân-Đôn, Chi-Da-la v.v... Tại nước Đức lập được Trung-quốc «Văn-Hóa Học-viện với viện Trưởng là Vệ-Lễ-Hiền. Viện này định phiên-dịch kinh điển Hoa - văn ra Đức-văn, Anh-văn và hoạch-định một chương-trình đại qui-mô, nhưng công việc chưa thành-tựu mà Vệ-Lễ-Hiền phải bệnh thế-thể nên Học-viện phải đình đốn. Riêng Hội Phật-Hữu ở Ba-Lê và Hội Phật-Học ở Luân-Đôn vẫn tiếp-tục, đồng thời tổ-chức khuếch-trương Phật-giáo Âu-châu.

2. — Chiêu-Không người Đức,



sang Trung-Hoa xuất-gia thọ Tỷ-kheo giới, khi trở về Âu-châu cực-lực truyền-bá Phật-giáo Trung-Hoa, sau lại dẫn mười hai người cả Nam lẫn Nữ sang Trung-Hoa thọ-giới xuất-gia. Hơn nửa số ấy trở về Âu-châu tuyên-dương Phật-giáo.

3.— Thiện-Phước-Thần v.v... lập «Xã Phật-Hóa Âu Mỹ Suy-Hành» ở Hàng-Châu và Hồ-Hậu-Chủ v.v... lập «Hội Pháp-Minh học» tại Thượng-Hải.

Nhờ đó, mà Phật-giáo-đồ Trung-quốc và các nước ở Âu, Mỹ được liên lạc giao-cảm nhau.

VII.- Những cuộc hội-nghị Phật-giáo.

Điều quan-hệ nhất đối với nền Phật-giáo là cuộc hội-nghị Liên-hiệp Phật-giáo-đồ quốc-tế. Dân quốc năm thứ 13, Thái-Hư tối triệu-tập hội-nghị Liên-hiệp Phật-giáo thế-giới lần thứ nhất tại chùa Đại-Lâm ở Lô-Sơn, Trung-Hoa. Trong số đại-biêu các nước Phật-giáo đến dự, có đại-biêu Anh, Đức, Nhật-Bồn v.v... Cuộc hội-nghị này hoạch-định năm sau khai Đại-Hội Phật-giáo Đông-Nam-Á tại Nhật-Bồn.

Kỳ Đại-Hội Phật-giáo Đông-Nam-Á ở Nhật, Trung-Hoa cử ba mươi vị đại-biêu đến dự. Đại-biêu các nước khác thì có đại-biêu

Phật-giáo Tích-Lan, Xiêm-La, Diến-Điện, Anh, Mỹ v.v... Sau ba ngày hội-nghị, phái-đoàn đi du-lich các thắng-cảnh ở Nhật-Bồn. được Phật-giáo-đồ ở đây chiêu-dãi rất nồng-hậu. Mấy năm sau, Nhật-Bồn lại chủ-trương khai hội-nghị Thanh-niên Phật-giáo Thái-Bình-Dương tại Hạ-Uy-Di và các nơi ở Đông-Kinh. Phật-giáo-đồ Trung-Hoa vắng mặt duy chỉ có Ngụy-Mán là có phái-đoàn riêng đến tham-gia.

Dân quốc năm thứ 24, Tống Minh-Chiếu người Đức trở về Âu-châu triệu-tập hội-nghị Phật-giáo-đồ Âu-châu tại Luân-Đôn. Cuộc hội-nghị này được quyết-nghị năm sau khai hội-nghị Phật-giáo Quốc-tế lần thứ nhất tại Luân-Đôn. Trong kỳ hội-nghị Quốc-tế lần thứ nhất này, Trung-Hoa không có cử đại-biêu đến dự. Cũng năm ấy, tại Ba-Lê khai hội-nghị Phật-giáo Quốc-tế lần thứ hai, Thái-Hư tối được thông-tri, lấy danh nghĩa Lý-Sự-Trưởng Hội Phật-Học Trung-Quốc, gởi thư đề-cử Lâm-Thật, lãnh-sự Trung-Hoa tại Ba-Lê, đại-biêu Phật-giáo-đồ Trung-Hoa đến dự. Sau cuộc hội-nghị, được Long-Thơ Bối-Lặc, (Lounsberry) Hội-Trưởng Hội-Phật-Hữu Ba-Lê mà cũng vừa là đệ-tử quy-y với tôi, gởi thư báo-cáo tình-hình hội-nghị. Đây tôi xin lược ghi vài đoạn trong

bản báo-cáo ấy đề kết-thúc bài này.

« Kỳ hội-nghị Phật-giáo Quốc-tế lần thứ hai, vì có đại-biêu các nước Phật-giáo Á-châu tham-dự, nên thu-hoạch được nhiều kết-quả khả-quan. Đại-biêu các nước Á - châu, Trung - hoa, Nhật - bản, Tích - lan v.v... báo-cáo công-tác và trạng-huống Phật-giáo từng nước cùng



Đại-hội. Đại-biêu các nước Âu-châu, Pháp, Đức, Anh trình-bày trung-tâm tư-tưởng, công-tác Phật-giáo trong xã-hội và sự nhu-yếu cùng cõ-lệ ở nước mình.

«Y cứ thơ Thái-Hư Pháp-Sư gửi đến bõn-hội đã mời Lâm-Thật đại-biêu Phật-giáo Trung-hoa đến dự hội-nghị. Trong bài báo-cáo của Lâm-quốc có nói: «Trung-hoa từ ngày Quốc-dân Cách-mạng thành-

công, tư - tưởng ngôn-luận đã được tự-do, nên hoạt-động nghiên-cứu Phật - giáo rất thịnh-hành, những người tài mắ trong nước như Đổi-Lý-Đào, Trương-Tĩnh - Giang, Châu-Khánh-Lan đều là tín-đồ Phật-giáo».

Buổi hội - nghị sau cùng, Lâm-quốc đề-nghị thiết-lập Cơ-kim Trung-ương để giúp đỡ những

người nghiên - cứu Phật - học. Cơ-kim này do các nước Phật-giáo quyên giúp vào, và chuyên dùng vào những việc: 1.- Trao đổi học-sanh, 2.- Ấn-hành kinh-sách. 3.- Trao đổi giảng-sư.

«Kỳ Đại-Hội này, lại được các giáo-sư trường Đại-Học Ba - Lê tham dự, nhờ đó mà thêm phần ảnh-hưởng tốt đẹp cho Hội».

HẾT

BÀI DỰ CUỘC THI VĂN-CHƯƠNG

Trong cuộc thi văn-chương do Nguyệt-san Phật-giáo Việt-nam tổ-chức, Tòa-soạn đã nhận được những tác-phần sau đây:

QUYẾT ĐỀN NỢ NƯỚC	kịch thơ của	Quốc-Bửu,
NGÀY CHIA TAY	truyện ngắn của	Nhất-Phương,
CHIẾC GƯƠM THẦN BẠC	« « «	Kim-Phúc,
CỘI-PHÚC	« « «	Lê-Văn
LÒNG NHÂN-ĐẠO VỚI ĐỨA MỒ CÔI	truyện ngắn của	P.H.T.
LỄ SỐNG	kịch thơ của	Trần-Liên
HÀN SINH ĐẠO-SĨ	truyện ngắn của	Trần-Liên
ÁNH ĐẠO	« « «	Trần-Thế
ĐẠO ĐỨC LUẬN	« « «	Hàn-Mặc
KỶ-NIỆM MỘT MÙA ĐÔNG	« « «	H.H.
THẦY GIÁO XUÂN	« « «	Hữu-Hỷ

(Còn nữa)

TIN TỨC

TRONG THÁNG

– **Hội Việt-nam nghiên-cứu liên-lạc Văn-hóa Á-châu** đã tổ-chức tại trụ-sở Hội (số 201 đường Lê văn-Duyệt Saigon) vào hồi 17 giờ thứ bảy 14-6-1958 một buổi nói chuyện về «Phật-giáo ở Á châu». Diễn-giã là Đại-Đức Tiranagama Ratanasara Thera, chủ-tịch hội khảo-cứu Nghệ-thuật Phật-giáo Tích-lan.

– **Chiều ngày 12-6-1958, hồi 18 giờ**, Hội Văn-Bút Việt-nam đã tổ-chức tại trụ-sở đường Phan-dình-Phùng một buổi tiếp-tân Đại-Đức Tiranagama Ratanasara Thera rất trọng-thề.

Trước hết, Ông Vi-huyền-Đặc, thuộc hội Văn-Bút Việt-nam ngỏ lời nêu rõ mục-dịch cuộc hội-họp này. Đoạn ông giới-thiệu vị đại-đức Tích-lan và nhấn mạnh về sự tương-dồng giữa hai nền văn-hóa Tích-lan và Việt-nam. Trong lời đáp từ, đại-đức Tiranagama Ratanasara Thera có nói đến lòng ham-mộ của Người đối với nước Việt-nam: Một nước tốt đẹp về cả hai phương-diện vật-chất và tinh-thần». Đoạn, vị đại-đức nói tiếp:

Mục-dịch cuộc viếng thăm Saigon của tôi là để thắt-chặt mối giây thân hữu giữa hai dân-tộc Việt-nam và Tích-lan và phát-triển những liên-hệ văn-hóa giữa hai nước.

– **Ngài Diễn-Bồi Pháp-sư**, một vị cao-tăng của Trung-hoa Quốc-gia, trên con đường Hoàng-Pháp ở Thái-lan và Cambodge về, đã tới phi-trường Tân-sơn-Nhất ngày 29-6-1958, hồi 15 giờ chiều để thăm viếng các đoàn-thể Phật-giáo Việt-nam.

Nhân dịp này các đoàn-thể Phật-giáo Hoa-Việt tại thủ-đô đã liên-hiệp cử một ủy-ban lo việc nghinh đón Pháp-sư và tổ-chức những buổi thuyết-pháp ở nhiều địa-diểm. Buổi thuyết-pháp đầu tiên của Pháp-sư tại chùa Xá-lợi đã thu-hút một số đông thính-giã. Pháp-sư Diễn-Bồi năm nay 45 tuổi, nguyên là người tỉnh Giang-tô (Trung-hoa) từ lúc bé đã bắt đầu học đạo với Đề-Nhàn Lão Pháp-sư tại Ninh-quan ba Quan-Tông học-xã, kế lại học đạo với Đại-Tĩnh Pháp-sư tại Hoài-âm Giác-tân Phật-học viện rồi với Thái-Hư đại-sư tại Mãn-nam Phật-học-viện.

Năm Trung-hoa Dân-quốc thứ 26, vì lòng ái-quốc Pháp-sư gia-nhập đội Phật-giáo cứu-thương do Hoàng-tân pháp-sư lãnh-đạo và đã tỏ ra một tinh-thần từ-bi dũng-cảm vững-chắc. Tinh-thế thay đổi, Pháp-sư tới địa-phận tỉnh Tứ-xuyên xin vào tu-hành tại Tiên Vân-Sơn Hán-Tạng giáo-lý-viện ở Trưng-khánh.



NGÀI DIỄN-BỒI PHÁP-SƯ

Hư Đại-sư toàn-thư, in xong rồi mới sang Đài-loan làm chủ-nhiệm Đài-loan Phật-giáo giảng tập hội giáo-vụ. Nhờ sự nghiệp từ-thiện và các công việc nghiên-cứu, dạy học và thuyết-pháp được thành-công rực-rở ở Đài-bắc, các giới Phật-giáo các nước đều biết tên tuổi pháp-sư.

Những sách của pháp-sư nói về Đại-thừa cũng có, mà về Tiểu-thừa cũng có. Pháp-sư thông-thạo cả chữ Nhật, chữ Tạng, lại có công nghiên-cứu sâu-xa nên người ta thường gọi là Sanh-công tái-thế.

Sau khi thuyết-pháp ở Thái-lan, trên đường trở về Đài-loan, pháp-sư đã ghé lại Việt-nam để đáp lại lòng mong đợi của giới Phật-giáo Hoa-Việt ở đây. Một dịp cho chúng ta được biết thêm một vị cao-tăng và được nghe những lời thuyết-pháp sâu-xa vậy.

— Văn-phòng Ban Hoằng-Pháp của Tổng-Hội hiện tạm đặt trụ sở thường-trực tại chùa Ấn-Quang 243 Sư vạn-Hạnh Cholon.

Mọi liên-lạc với ban Hoằng-Pháp của Tổng-Hội cũng như với Tòa-soạn và Ty-Quản-lý nguyệt san Phật-giáo Việt-nam, xin mời quý vị gửi thư-từ hoặc trực-tiếp với địa chỉ trên.

Lúc bảy giờ, đã sẵn có khiêu thông-minh và lại được sự nung-dúc của Thái-Hư đại-sư nên sự học hỏi tiến-bộ rất nhiều, pháp-sư đã chiếm giải nhất trong số các sư được thành-công ở đây. Ít lâu sau, ông được Thái-Hư đại-sư ủy-nhiệm cho làm chủ-nhiệm Tứ-xuyên Hiệp-giang Pháp-vương học-viện. Kể sau cuộc kháng-chiến Nhật thắng lợi, ông lại liên-tiếp giữ chức chủ-giáo ở các nơi Thượng-hải Phật-học-viện, Hàng-châu Vũ-lâm Phật-học-viện và Học-môn Đại-giáo Giản-xã.

Pháp-sư cùng Ấn-Thuần đại-sư biên-soạn bộ Thái-

KẾT-QUẢ CUỘC THI GIẢI-TRÍ HẰNG THÁNG CỦA NGUYỆT-SAN PHẬT-GIÁO VIỆT-NAM SỐ 19

Trả lời câu thứ nhất: Vị TỒ-SƯ đầu tiên của Phật-giáo Việt-nam là ngài Tỳ-Ni-Đà-Lưu-Chi (Vấn biết rằng trước khi ngài Tỳ-Ni-Đà-Lưu-Chi qua đất Việt đã có các ngài Ma-Ha-Kỳ-Vức, Khương-Tăng-Hội, Mâu-Bác và Chi-Cương-Lương; nhưng những vị này không phải là TỒ-SƯ; nghĩa là chưa lập được một tông phái có truyền thống). Ngài Tỳ-Ni-Đà-Lưu-Chi là sư tổ của phái Thiên-tông, là phái đầu tiên được thành lập trên đất Việt-nam.

Trả lời câu thứ hai: Người ngâm hai câu thơ:

«Nga nga lưỡng nga nga
Ngưỡng diện hướng thiên nha».

Là LÝ-GIÁC, sứ nhà Tống.

Người ngâm tiếp hai câu thơ sau này:

«Bạch mao phô lục thủy,
Hồng trạo bãi thanh ba».

Là Pháp-sư Đổ-Thuận.

— **Trường hợp sáng tác:** Pháp-sư Đổ-Thuận vâng lệnh vua Lê-Hoàn, giả làm người lái đò ra tiếp sứ nhà Tống là Lý-Giác. Khi ra giữa dòng sông, Lý-Giác thấy hai con ngỗng bơi, ứng khẩu ngâm hai câu thơ trên, và Đổ-Thuận đã ngâm tiếp hai câu dưới, làm cho Lý-Giác rất đỗi thán-phục.

Câu thứ ba: Có 19 người đáp trúng.

KẾT-QUẢ CUỘC THI GIẢI-TRÍ HẰNG THÁNG CỦA NGUYỆT-SAN PHẬT-GIÁO VIỆT-NAM SỐ 20 VÀ 21

Câu thứ nhất:

A/ Hội Phật-học Trung Việt **chánh thức** thành-lập năm 1932.

B/ Hội Phật-học Nam-việt (tức trước kia là hội Nam-kỳ Nghiên-cứu Phật-Học) **chánh thức** thành-lập năm 1950.

C/ Hội Phật-giáo Bắc-việt **chánh thức** thành-lập năm 1934.

Câu thứ hai:

A/ Gia-đình Phật-tử Việt-nam lúc mới thành-lập gọi là **Gia-đình Phật-hóa** **phổ**

B/ Gia-đình đầu tiên là gia-đình Phật hóa phổ **«Tâm-Minh»** thành-lập tại Huế năm 1942.

DANH-SÁCH CÁC BẠN ĐÁP TRÚNG CUỘC THI GIẢI-TRÍ SỐ 20-21

Trong cuộc thi giải trí số 20-21, không có vị nào đáp trúng cả hai câu hỏi, dưới đây là danh sách các vị đã đáp trúng 1 trong hai câu trên:

— Ông Trần-văn-Ninh pháp danh Nguyễn-Tịnh Khuôn-hội khu IV Tỉnh hội «Phật-giáo Bình-Định»

— Bà Phạm thị-Hoài-Châu 38 Hoàng-Diệu Đà-nẵng.

— Ông Tiên mậu-Đức số 3 A Lê-Lợi Bạc-Liêu.

— Ông Nguyễn văn-Lang 58 Lam-sơn (Nam-giao) Huế

— Ông Trần văn-Đệ 2/3G Thăng-Tam Vũng-Tàu.

— Ông Lê-thiên-Tuế chùa Hội quán Tam-kỳ.

— Bà Nguyễn thị-Lựu 205/504 Lê-văn-Duyệt Saigon.

- Bà Nguyễn thị Bạch-Yến 22c đường Nguyễn-Lâm khu Nguyễn-tri-Phương, Cholon.
- Ông Kim-Phú Hộp thư 62 Chùa Từ-Đàm Huế.
- Diệu-Kim 123b đường Đa bà-Bầu khu Nguyễn-tri-Phương Cholon.
- Minh-Từ 45-47 Hàm-Nghi Biên-Hòa.

Danh-sách quý vị đáp trúng cuộc thi giải-trí số 19

Giải nhất: QUÁCH-DUỘC-THANH học-sinh ban Tứ-Tài 37 đại lộ Hùng-vương — Mỹ-Tho đáp: lối 25 người.

Giải nhì: MINH-TỪ 45-47 Hàm-Nghi Biên-hòa 26 người đáp trúng.

Giải ba: NGUYỄN THỊ-MẬU 62 Mai-thức-Loan thành nội Huế 60 người đáp trúng.

Ngoài ra các vị có tên sau đây cũng đều được trúng giải thưởng khuyến khích:

- Phạm văn-Chơn nhà sách Minh-dức Đà-Nẵng.
- Văn-Vỹ 45 Yersin Nha-Trang.
- Hồng-Huệ Trường trung-học Bồ-Đề Nha-trang.
- Kim-Phú hộp thư 62 Chùa Từ-Đàm (Huế).
- Nguyễn văn-Lang 58 đường Lam-Sơn (Huế).
- Thích Tâm-Thọ chùa Phật-giáo Phú-Yên.
- Pho To Như-Bảo Djiring.
- Trần văn-Ninh khuôn hội khu IV Tỉnh hội Phật-giáo Bình-dịnh Qui-nhơn.
- Nguyễn-xuân-Quang Phó Hội-Trưởng chi Hội Phật-giáo V.N. Blao
- Hoàng-Nam Chùa Phật-giáo Phú-Yên.
- Trần thị-Tám khuôn hội kỳ-viên Nha-Trang.
- Đoàn-dinh-Diệp 5 đường Cao-Bá-Quát Huế.
- Hà-văn-Yến KBC 4484.
- Tâm Hòa Đặng-thị-Đào hộp thư số 11 Đà-Nẵng.
- Nguyễn thị-Chi 365 Phan-dịnh-Phùng Đà-Lạt.
- Đặng-minh-Căn Chi-Hội Bờ-lao.
- Nguyễn-kim-Quan 73 Công-thự Cao-Thắng Lầu 2 phòng 1.
- Nguyễn-văn-Tá Phật-tử Chánh-đạo Saigon.
- Đoàn-văn-Xiêm Trung-Học Bồ-Đề Nha-Trang.
- Dương-văn-Dương Hạ-sĩ nhất số Q. 109231 KBC. 3047.
- Lê-văn-Ngạn Cao-Lãnh Kiến-Phong nhà in Phú-Toàn,
- Phạm-thị-Hoài-Châu 38 khu Hoàng-Diệu Đà-Nẵng.
- Phạm-hữu-Định số 3 Quốc-lộ 1 Nha-Trang.
- Trần-minh-Thái số 10 đường Tô-hiến-Thành Huế.
- Nguyễn-thanh-Thoại Ty Thông-Tin Quảng-Trị.
- Nguyễn-ngọc-Dung Sân-Viện Vĩnh-Bình.
- Trần-hữu-Thuần Lớp Đệ-ngũ Trường Bồ-Đề Nha-Trang.
- Trần-thị-Sáu số 89 đường Nguyễn-văn-Thoại Cholon.
- Phạm-hữu-Hạnh 163 Đào-duy-Từ Cholon.
- Ngọc-Lan G. 104 Tân-quí-Tây Sa-giang (Sadéc).
- Nguyễn-minh-Hoàng 27k Nguyễn-an-Ninh Gia-Định.

Ty Quân-Lý lần-lượt sẽ gửi tặng thưởng đến các quý vị ở xa còn quý vị ở Saigon Cholon xin mời lại Tòa-soạn: **Chùa Ấn-Quang 243 đường Sư Vạn-Hạnh** đề nhân thưởng.

HUYNH HUE QUANG



Nghị-định số 2009/P3 ngày 1-8-1956.

Tòa-Soạn và Quản-Lý:

CHÙA ẮN - QUANG

243, Đường Vạn-Hạnh Thiên-Sư

- CHOLON -

GIÁ BÁO

Mỗi số	10đ00
Sáu tháng	55đ00
Một năm	110đ00